



*Yuanta  
Securities Vietnam*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM**

# Mục lục

I.	THÔNG TIN CHUNG .....	3
1.1	<i>Thông tin khái quát</i> .....	3
1.2	<i>Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</i> .....	6
1.3	<i>Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý</i> .....	6
1.4	<i>Định hướng phát triển</i> .....	7
1.5	<i>Các rủi ro</i> .....	8
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	10
2.1	<i>Tình hình hoạt động kinh doanh</i> .....	10
2.2	<i>Tổ chức và nhân sự</i> .....	10
2.3	<i>Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án</i> .....	10
2.4	<i>Tình hình tài chính</i> .....	11
2.5	<i>Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu</i> .....	11
2.6	<i>Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty</i> .....	12
2.6.1	<i>Tác động lên môi trường:</i> .....	12
2.6.2	<i>Quản lý nguồn nguyên vật liệu:</i> .....	12
2.6.3	<i>Tiêu thụ năng lượng</i> .....	12
2.6.4	<i>Tiêu thụ nước</i> .....	12
2.6.5	<i>Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường</i> .....	12
2.6.6	<i>Chính sách liên quan đến người lao động</i> .....	12
2.6.7	<i>Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương</i> .....	13
2.6.8	<i>Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN</i>	
	14	
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	14
3.1	<i>Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh</i> .....	14
3.2	<b><i>Tình hình tài chính</i></b> .....	14
3.3	<i>Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý</i> .....	15
3.4	<i>Kế hoạch phát triển trong tương lai</i> .....	15
3.5	<i>Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán</i> .....	15
3.6	<i>Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty</i> .....	15
3.6.1	<i>Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường</i> .....	15
3.6.2	<i>Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động</i> .....	15
3.6.3	<i>Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương</i> .	15
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY..	15

4.1	<i>Đánh giá của Hội đồng Thành viên về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội</i> .....	15
4.2	<i>Đánh giá của Hội đồng thành viên về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty</i> .....	16
4.3	<i>Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng thành viên</i> .....	16
V.	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	17
5.1	<i>Hội đồng thành viên</i> .....	17
5.2	<i>Ban Kiểm soát</i> .....	23
5.3	<i>Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc</i> .....	24
VI.	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....	25
6.1	<i>Ý kiến kiểm toán</i> .....	25
6.2	<i>Báo cáo tài chính được kiểm toán</i> .....	25

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1.1 Thông tin khái quát

Tên giao dịch: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Giấy phép thành lập và hoạt động số 127/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/06/2019, sửa đổi các ngày 17/02/2023 và ngày 22/06/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700334885 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/06/2019, thay đổi lần thứ 6 ngày 03/07/2023.

Vốn điều lệ: 2.500 tỷ đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.500 tỷ đồng

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà Saigon Centre, 65 Lê Lợi, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 028.3622.6868

Số fax: 028.3915.2728

Website: <https://yuanta.com.vn/>

Mã cổ phiếu: N/A

### **Quá trình hình thành và phát triển**

#### *i. Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất*

- Do yêu cầu đổi mới doanh nghiệp nhà nước, từ những ngày đầu thành lập thị trường chứng khoán Việt Nam, tỉnh Bình Dương là một trong số các địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã đặc biệt quan tâm đến việc hình thành và phát triển của thị trường chứng khoán. Vì vậy dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, Công ty Thương Mại - Đầu Tư và Phát Triển (tên giao dịch: BECAMEX Corp.) (tiền thân của Tổng Công ty TNHH-MTV Đầu Tư và Phát Triển Công Nghiệp (Becamex IDC Corp.) hiện nay) đã thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất (vốn điều lệ ban đầu là 43 tỷ đồng) với vai trò là cổ đông sáng lập theo Giấy phép thành lập số 249/GP-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/10/1999, Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 060250 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/12/1999.
- Ngày 08/04/2000, Công ty được UBCKNN cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 04/GPHDKD. Lễ trao giấy phép cho hai công ty chứng khoán đầu tiên ở phía nam là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất (FSC) và SSI được tiến hành trọng thể ngày 12/04/2000 tại Trụ sở Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Tp. HCM.

- Tháng 07 năm 2000, Công ty chính thức trở thành thành viên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM (nay là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. HCM) theo Quyết định số 04/ QĐTV-TTGD4 ngày 19/07/2000.
- Ngày 07/02/2001, Công ty được UBCKNN chấp thuận mở Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/2001/QĐ-UBCKNN.
- Ngày 27/12/2006, UBCKNN chấp thuận việc chuyển nhượng 28,10% vốn của cổ đông Công ty cho Công ty Yuanta Securities Asia Financial Services LTD theo Quyết định số 842/QĐ-UBCK.
- Ngày 29/12/2006, Công ty trở thành thành viên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội) theo Quyết định số 121/QĐ-TTGDHN.
- Ngày 05/06/2007, Công ty được UBCKNN chấp thuận cho việc tăng vốn điều lệ từ 43 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng theo Quyết định số 350/QĐ-UBCK ngày 05/06/2007.
- Ngày 13/10/2008, Công ty được UBCKNN chấp thuận cho việc tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng theo Quyết định số 158/UBCK-GP.
- Ngày 09/08/2010, UBCKNN chấp thuận việc mở chi nhánh Hà Nội của Công ty theo Quyết định số 648/QĐ-UBCK.
- Ngày 22/04/2016 được UBCKNN chấp thuận cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến theo quyết định số 481/QĐ-UBCK. Sau khi được sự chấp thuận của các Sở Giao dịch, Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống giao dịch trực tuyến mới tại địa chỉ <https://www.e-fsc.com.vn> với nhiều chức năng và tiện ích mới giúp nhà đầu tư dễ dàng quản lý tài khoản, đặt lệnh mua bán chứng khoán và chuyển tiền trong và ngoài hệ thống.
- Tháng 06/2015, sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN, Công ty đã cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ.
- Tháng 06/2017, cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch Upcom.
- Tháng 10/2017, cổ đông sáng lập của Công ty, Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV thoái toàn bộ vốn khỏi Công ty.

ii. *Công ty Chứng khoán Yuanta Việt Nam*

- Tháng 02/2018, Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Yuanta Việt Nam và chuyển trụ sở công ty từ Bình Dương về Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 28/05/2018, Công ty được UBCKNN chấp thuận thành lập Chi nhánh Bình Dương.

- Ngày 25/06/2018, Công ty được UBCKNN chấp thuận thành lập Chi nhánh Đồng Nai.
- Tháng 09/2018, Công ty tăng vốn từ 300 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng.
- Ngày 27/09/2018, Công ty hủy đăng ký công ty đại chúng.
- Ngày 14/06/2019, Công ty chuyển đổi hình thức pháp lý từ Công ty Cổ phần sang Công ty Trách nhiệm Hữu hạn từ hai thành viên trở lên.
- Ngày 09/07/2019, Công ty được UBCKNN chấp thuận thành lập Chi nhánh Đà Nẵng.
- Ngày 27/09/2019, Công ty được UBCKNN chấp thuận thành lập Chi nhánh Vũng Tàu.
- Ngày 01/10/2019, Công ty chính thức cung cấp các dịch vụ liên quan đến chứng khoán phái sinh ra thị trường.
- Tháng 09/2020, Công ty tăng vốn từ 1.000 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng.
- Tháng 05/2021, Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Lê Minh Tâm – Tổng Giám đốc sang Ông Chao, Jen-Kai – Chủ tịch Hội đồng Thành viên.
- Tháng 11/2021, Công ty được UBCKNN chấp thuận thành lập Phòng giao dịch Láng Hạ trực thuộc Chi nhánh Hà Nội.
- Ngày 24/11/2021, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp từ Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 01/12/2021, UBCKNN chấp thuận cho Công ty được cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.
- Tháng 12/2021, Công ty tăng vốn từ 1.500 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng.
- Tháng 02/2022, Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận phân phối Chứng chỉ quỹ đại chúng.
- Tháng 02/2023, Công ty tăng vốn từ 2.000 tỷ đồng lên 2.500 tỷ đồng.
- Tháng 12/2023, UBCKNN chấp thuận việc chuyển địa điểm Chi nhánh Hà Nội của Công ty.

*iii. Các giải thưởng Công ty đạt được trong năm 2023:*

Với kết quả kinh doanh ấn tượng và những đóng góp cho xã hội, Công ty đã được vinh danh các giải thưởng sau trong năm 2023:

- Chứng khoán Yuanta Việt Nam vinh dự nhận giải thưởng “Nơi làm việc tốt nhất Châu Á” năm 2023 do Tạp chí HR Asia bình chọn.
- Chứng khoán Yuanta Việt Nam vinh dự nhận tổng cộng 11 giải thưởng do Asiamoney Brokers Poll 2023 trao tặng gồm các giải thưởng sau:
  - o Công ty chứng khoán nước ngoài tốt nhất Việt Nam (Best International Brokerages)

- Công ty chứng khoán nước ngoài tốt nhất Việt Nam về phân tích và nghiên cứu thị trường (Best International Brokerages for Research)
- Công ty chứng khoán nước ngoài tốt nhất Việt Nam về dịch vụ môi giới (Best International Brokerages for Sales)
- Top 2 Công ty chứng khoán về phân tích và nghiên cứu ESG tốt nhất tại Việt Nam (Best Brokerages for ESG Research)
- Top 3 Công ty chứng khoán có chuyển đổi số tốt nhất tại Việt Nam (Most Transformed Brokerages)
- Hoạt động giao dịch tốt nhất tại Việt Nam (Best Brokerages for Execution)
- Dịch vụ Quan hệ Doanh nghiệp và Nhà đầu tư tốt nhất tại Việt Nam (Best Brokerages for Corporate Access)
- “Chuyên viên phân tích tốt nhất” (Best Analysts) trong lĩnh vực Hoạch định chiến lược đầu tư dài hạn (Thematic Strategy)
- “Chuyên viên phân tích tốt nhất” (Best Analysts) trong lĩnh vực ESG, Tiện ích (Utilities)
- “Chuyên viên phân tích tốt nhất” (Best Analysts) trong lĩnh vực Kỹ thuật (Engineering)
- “Chuyên viên phân tích tốt nhất” (Best Analysts) trong lĩnh vực Xây dựng (Construction)

## **1.2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành; Tụ doanh; Kinh doanh chứng khoán phái sinh; và các dịch vụ tư vấn tài chính khác.

Địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Đồng Nai, Đà Nẵng và Vũng Tàu.

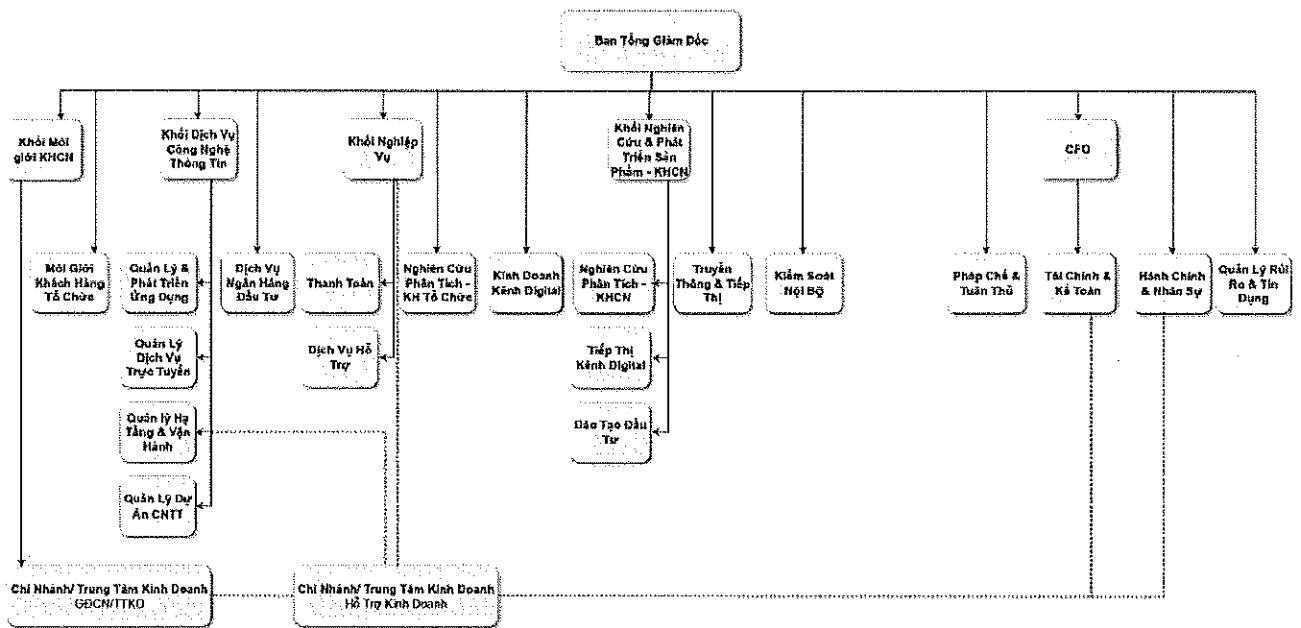
## **1.3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

### **a. Mô hình quản trị:**

YSVN là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và hoạt động theo mô hình quản trị như sau:



b. Cơ cấu bộ máy quản lý



c. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

1.4 Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2024: Công ty sẽ tập trung vào việc xây dựng năng lực của mình trong giao dịch trực tuyến, nâng cao trải nghiệm giao dịch cho nhà đầu tư và nâng cao tính bảo mật của hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống giao dịch trực tuyến.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Công ty sẽ phát triển mạng lưới đến một số tỉnh, thành phố lớn, xây dựng hệ thống giao dịch trực tuyến hiện đại cùng với các tính năng dịch vụ tự động; tập trung phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo đầu tư cho các nhà đầu tư cá nhân; đem lại trải nghiệm tốt nhất cho nhà đầu tư thông qua việc đa dạng sản phẩm dịch vụ, phát triển các dịch vụ và sản phẩm của thị trường phái sinh và chứng quyền có bảo đảm.



- Các mục tiêu phát triển bền vững: Các hoạt động của Công ty hướng đến tiết kiệm nước, giấy, năng lượng góp phần bảo vệ môi trường và hỗ trợ xã hội, cộng đồng bằng nhiều hình thức đóng góp, chương trình từ thiện khác nhau.

### 1.5 Các rủi ro

- Rủi ro thị trường: Các hoạt động kinh doanh chính của YSVN có tiềm ẩn rủi ro thị trường là các hoạt động đầu tư tiền gửi, cho vay ký quỹ và sản phẩm chứng khoán phái sinh. Doanh thu từ các hoạt động này bị ảnh hưởng bởi những biến động về lãi suất, giá cổ phiếu, có thể do tình hình thị trường, những thay đổi về chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô của Chính phủ Việt Nam hoặc của các nước liên quan khác, những biến động về địa chính trị cũng như những quy định pháp lý khác. Khi lãi suất và giá cổ phiếu biến động ngoài dự kiến, có thể dẫn tới việc giảm sút doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Để giảm thiểu các rủi ro này, YSVN đảm bảo duy trì công tác quản trị rủi ro mang tính chuyên sâu, tách bạch theo từng loại rủi ro và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan với bộ phận quản lý rủi ro từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, chiến lược phân tán rủi ro, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý rủi ro.
- Rủi ro thanh khoản: Rủi ro thanh khoản xảy ra khi YSVN mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư sử dụng vốn vay ký quỹ (margin), và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán của các nhà đầu tư trên tài khoản họ duy trì tại YSVN. Với số lượng khách hàng ngày càng gia tăng qua các năm trên thị trường cơ sở, với hàng trăm nghìn yêu cầu thanh toán mỗi ngày, YSVN phải bảo đảm vận hành hoạt động thanh toán cho nhà đầu tư một cách nhanh chóng, an toàn và tiết kiệm chi phí nhất.
- Rủi ro nhân lực: Do đặc thù của ngành, nguồn nhân lực trên thị trường chứng khoán luôn đòi hỏi có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, đạo đức kinh doanh. Đảm bảo đủ nguồn nhân lực chất lượng cao là sống còn với các công ty chứng khoán. Khi thị trường chứng khoán tăng trưởng, sự cạnh tranh giữa các tổ chức tài chính, công ty chứng khoán trong việc thu hút nhân lực là rất gay gắt. Ngược lại khi thị trường chứng khoán sụt giảm thì hiện tượng chảy máu chất xám ồ ạt từ lĩnh vực chứng khoán sang các lĩnh vực khác làm cho các doanh nghiệp chứng khoán thiếu hụt nhân sự trầm trọng. Tuy nhiên xác định con người là sức mạnh cốt lõi, YSVN luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, mang đậm văn hóa YSVN. Nhờ những nỗ lực trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự, trọng dụng nhân tài, chú trọng đầu tư đào tạo nâng cao

trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, hiện YSVN đã và đang tạo ra được sự ổn định về mặt nhân sự, đặc biệt là nhân sự cấp cao.

- Rủi ro pháp lý: YSVN hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Công ty. Rủi ro luật pháp tại YSVN là rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định, quy trình của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty thường xuyên cập nhật các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến thị trường chứng khoán và các lĩnh vực liên quan. Đảm bảo việc phổ biến các chế độ, chính sách của Nhà nước; quy định, quy trình của công ty cho tất cả các đơn vị, cán bộ có liên quan. Nhờ đó giúp Công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề về pháp luật. Công ty cũng đã ban hành các quy trình nghiệp vụ quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng ban nghiệp vụ và thực hiện phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong Công ty giúp Công ty hạn chế những rủi ro luật pháp trong hoạt động.

- Rủi ro thanh toán:

Rủi ro thanh toán là rủi ro khi một/một số khách hàng hoặc đối tác không thể thanh toán đầy đủ/đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đầy đủ/đúng hạn như cam kết. Để hạn chế tối đa các ảnh hưởng/thiệt hại của rủi ro thanh toán đối với hoạt động và hiệu quả hoạt động của công ty, YSVN thực hiện các biện pháp sau:

- Thực hiện phân cấp thẩm quyền đề xuất và phê duyệt hạn mức cung ứng, hỗ trợ vốn tối đa cho một Khách hàng theo Quy định Quản lý rủi ro hoạt động hỗ trợ vốn cho khách hàng của YSVN nhằm đảm bảo an toàn cho YSVN dựa trên việc cập nhật liên tục về năng lực tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng.
- Hợp đồng giao dịch ký quỹ của YSVN phải quy định rõ ràng các điều khoản để thực hiện việc bán thanh lý. Khi giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản vay giao dịch ký quỹ xuống đến một mức nhất định/đến thời điểm đáo hạn hợp đồng giao dịch ký quỹ thì YSVN phải thực hiện việc bán thanh lý tài sản đảm bảo để đảm bảo việc thu hồi vốn vay, lãi vay, các loại phí (nếu có) của Công ty.
- Sử dụng các phần mềm để quản lý trạng thái các giao dịch ký quỹ, thực hiện cảnh báo và lệnh xử lý bán tự động trong các giao dịch ký quỹ giúp YSVN thực hiện quản lý và bán chứng khoán là tài sản đảm bảo ngay khi giá chứng khoán xuống đến một mức nhất định để đảm bảo an toàn cho Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 2.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Lợi nhuận trước và sau thuế đạt 153,7 và 120,9 tỷ đồng, bằng lần lượt 96% và 95% so với năm 2022.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: Với lợi nhuận trước và sau thuế đạt 153,7 và 120,9 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch đặt ra cho năm 2023.

### 2.2 Tổ chức và nhân sự

Mô hình tổ chức Công ty như sau:

– Các thành viên góp vốn của Công ty bao gồm:

STT	Tên
1	Yuanta Securities Asia Financial Services Private Limited
2	Yuanta Securities (Hong Kong) Company Limited

– Trong đó, Chủ tịch Hội đồng thành viên là:

STT	Tên	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
1	Ông Chao Jen Kai	Bổ nhiệm ngày 09/04/2021

– Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Ong Cheow Kheng	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 07 năm 2019
Ông Mạc Hữu Danh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2023
Bà Mai Thị Ngọc Duyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 07 năm 2023
Ông Trần Công Quyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 07 năm 2023

– Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/07/2021
Bà Lê Thị Quyên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/03/2021

Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2023 là 368 nhân viên.

### 2.3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Không có.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

## 2.4 Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	%tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	3.897.800.680.595	4.629.079.377.382	19%
Doanh thu thuần	608.174.017.407	566.969.763.270	-7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	160.118.014.687	153.535.394.340	-4%
Lợi nhuận khác	(43.742.479)	162.692.910	-472%
Lợi nhuận trước thuế	160.074.272.208	153.698.087.250	-4%
Lợi nhuận sau thuế	127.479.366.260	120.902.938.895	-5%

### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,5 lần	2,8 lần	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	2,5 lần	2,8 lần	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	38,94%	35,17%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	63,78%	54,26%	
<i>3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	20,96%	21,32%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5,36%	4,03%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,27%	2,61%	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	26,33%	27,08%	

## 2.5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Phần vốn góp: N/A

b) Cơ cấu góp vốn tại ngày 31/12/2023 như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Tỷ lệ vốn góp (%)
-----	-----------------	-------------------

1	Yuanta Securities Asia Financial Services Private Limited	94,1
2	Yuanta Securities (Hong Kong) Company Limited	5,9

c) Tình hình thay đổi vốn của chủ đầu tư:

- Ngày 05/06/2007: Công ty tăng vốn điều lệ từ 43 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng.
- Ngày 13/10/2008: Công ty tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng.
- Tháng 09/2018: Công ty tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng.
- Tháng 09/2020: Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng.
- Tháng 12/2021: Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.500 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng.
- Tháng 02/2023: Công ty tăng vốn điều lệ từ 2.000 tỷ đồng lên 2.500 tỷ đồng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Công ty không phát hành chứng khoán trong năm 2023.

## **2.6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **2.6.1 Tác động lên môi trường:**

Các hoạt động của Công ty không trực tiếp và gián tiếp phát thải khí nhà kính (GHG) ra môi trường.

### **2.6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

### **2.6.3 Tiêu thụ năng lượng**

### **2.6.4 Tiêu thụ nước**

Các mục từ 2.6.1 đến mục 2.6.4 được trình bày chung dưới đây:

- Công ty hoạt động trong lĩnh vực tài chính nên không có các thông số về nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng. Về tiêu thụ nước, mức tiêu thụ nước của Công ty cho toàn bộ hoạt động trong năm khoảng hơn 821 m<sup>3</sup>.
- Ngoài ra, Công ty áp dụng các biện pháp nhằm sử dụng nước và điện một cách hiệu quả nhất như sử dụng bóng đèn tiết kiệm năng lượng, tắt đèn và các thiết bị điện ở khu vực không sử dụng, tận dụng ánh sáng tự nhiên, hệ thống điều khiển tự động tắt đèn (nếu có) ở khu vực không có người.

### **2.6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Trong năm 2023, Công ty không bị xử phạt liên quan đến vấn đề môi trường.

### **2.6.6 Chính sách liên quan đến người lao động**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2023: 368 nhân viên.
- Mức lương trung bình: 16.9 triệu đồng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Ngoài tiền lương cố định căn cứ vào vị trí công việc, trình độ, thâm niên của người lao động, người lao động còn nhận được hoa hồng và thưởng căn cứ theo kết quả kinh doanh. Thêm vào đó, tùy theo tính chất công việc và địa bàn công tác, Công ty có các chính sách phụ cấp khác (phụ cấp điện thoại, phụ cấp đi lại, phụ cấp xăng xe...). Công ty cũng hỗ trợ phụ cấp cơm trưa và phụ cấp trang phục hàng năm cho người lao động.
- Công ty còn có chính sách lương thưởng tháng 13 và thưởng kết quả hoàn thành công việc cả năm để khen thưởng và khuyến khích tạo động lực cho nhân viên làm việc tốt hơn trong năm sau.
- Ngoài việc tham gia bảo hiểm xã hội - y tế - thất nghiệp, đóng kinh phí công đoàn, trích quỹ trợ cấp mất việc làm cho người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành một cách đầy đủ, Công ty cũng mua thêm bảo hiểm sức khỏe & tai nạn cho người lao động.
- Công ty còn có phúc lợi cho nhân viên khi kết hôn, ốm đau nhập viện, thai sản, tang chế, sinh nhật...
- Công ty thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho nhân viên nhằm kiểm tra sức khỏe và phát hiện những bất thường về sức khỏe để phòng ngừa và chữa trị kịp thời.
- Bên cạnh đó công ty tổ chức các câu lạc bộ bóng đá, câu lạc bộ Tennis để nâng cao sức khỏe cho nhân viên.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Trong năm 2023, dù lĩnh vực chứng khoán có nhiều biến động tiêu cực nhưng Công ty rất nỗ lực trong các hoạt động duy trì và phát triển nguồn nhân lực, trong đó có hoạt động đào tạo phát triển chuyên môn nhân viên:

- Đào tạo chuyên môn: các khóa học liên quan đến kiến thức về tài chính, chứng khoán, phân tích kỹ thuật, trái phiếu...
- Đào tạo kỹ năng mềm: Các khóa đào tạo dành cho nhân viên và cấp Quản lý để tất cả các bên làm việc với nhau hiệu quả hơn.
- Phát triển đội ngũ Giảng viên Nội bộ gồm 33 Giảng viên và dự kiến sẽ tiếp tục gia tăng đội Giảng viên nội bộ về số lượng và chất lượng.

Tổng số giờ đào tạo trung bình/nhân viên trong năm 2023 là 20 giờ/người.

*2.6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương*

Trong năm 2023, cán bộ nhân viên tại Công ty tham gia ngày hội hiến máu tình nguyện tổng cộng 2 lần vào ngày 06/04/2023 và ngày 16/11/2023 do Công ty Keppel Land phối hợp với Ủy ban Nhân dân phường Bến Nghé tổ chức.

Tháng 9/2023, Công ty tổ chức chuyến thăm và trao tặng 100 phần quà trung thu cho 40 bé tại cơ sở 1 - Mái ấm Quan Âm gồm bánh kẹo, sữa, dụng cụ học tập, 300kg gạo cùng

một số nhu yếu phẩm. Số phần quà còn lại được các bảo mẫu tại mái ấm chuyển đầy đủ đến cơ sở 2 tại Bình Phước cho 40 bé khác. Mái ấm Quan Âm do Sư Thầy Thích Thiện Từ - Trụ trì chùa Quan Âm lập nên từ năm 2019. Hiện tại mái ấm đang nuôi dưỡng và chăm sóc 80 trẻ mồ côi tại 2 cơ sở:

- Cơ sở 1: tại Quận 12 TP. HCM, hiện đang chăm sóc 40 bé có độ tuổi từ 2-6 tuổi.
- Cơ sở 2: tại tỉnh Bình Phước, hiện đang chăm sóc 40 bé từ sơ sinh đến 1 tuổi.

#### 2.6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 3.1 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Trong năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua nhiều biến động và chịu áp lực lớn từ các diễn biến phức tạp của thị trường chứng khoán quốc tế cũng như các tác động từ tình hình kinh tế - tài chính trong nước.

Theo đó, lợi nhuận ròng sau thuế của Công ty giảm 5% so với năm trước, trong đó:

- Doanh thu phí môi giới giảm 22% so với năm 2022, tỷ lệ thuận với mức giảm khối lượng giao dịch thực hiện thông qua Công ty;
- Kết quả tự doanh ròng (bao gồm lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính, cổ tức và lãi nhận được, chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính) giảm 181 triệu đồng, chủ yếu do giảm lãi từ bán các tài sản tài chính;
- Doanh thu từ giao dịch cho vay ký quỹ giảm 21%;
- Chi phí lãi vay giảm 5% do nhu cầu vốn tài trợ cho hoạt động cho vay ký quỹ trong năm giảm đi;
- Chi phí môi giới chứng khoán giảm 17% theo xu hướng giảm của doanh thu môi giới;
- Chi phí quản lý tăng 11% so với năm 2022 do gia tăng số lượng nhân sự cũng như việc đầu tư vào hệ thống thông tin trong năm.

#### 3.2 Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài sản

Các tháng cuối năm 2023, thị trường vào đà tăng trưởng dẫn tới hoạt động giao dịch ký quỹ vào thời điểm cuối năm gia tăng dẫn tới tổng tài sản tăng từ 3.988 tỷ đồng lên 4.629 tỷ đồng.

##### b) Tình hình nợ phải trả

- Nợ phải trả tăng 7% so với năm 2022 xuất phát từ khoản phải trả ngắn hạn cho các khoản vay ngắn hạn tăng lên.
- Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả không có khả năng thanh toán, hệ số thanh khoản cao, Công ty quản lý tốt các khoản nợ phải trả.

### **3.3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Công ty đang trong quá trình sửa đổi và tiếp tục hoàn thiện các chính sách, quản lý, và cơ cấu tổ chức với việc bổ sung thêm một số phòng ban chức năng và một số chức danh để đảm bảo thực hiện đúng chiến lược và kế hoạch kinh doanh mới được đề ra bởi các chủ sở hữu của Công ty.

### **3.4 Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Trong năm 2023, Công ty sẽ nghiên cứu triển khai dịch vụ chứng quyền có bảo đảm và mở rộng mạng lưới kinh doanh thêm tại một số tỉnh, thành phố lớn của cả nước và tăng cường phát triển các sản phẩm hỗ trợ nhà đầu tư nhằm mục đích đầu tư và tích lũy, gia tăng tài sản, tăng hiệu quả đầu tư.

Đồng thời, Công ty đầu tư nâng cấp hệ thống phần mềm phục vụ giao dịch và thanh toán chứng khoán cơ sở, tăng cường các tính năng vận hành tự động của hệ thống cũng như tính bảo mật của hệ thống công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như chất lượng dịch vụ giao dịch trực tuyến trên nền tảng di động và tiếp tục phát triển các tiện ích giao dịch số (digital).

### **3.5 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

Báo cáo tài chính của Công ty đã được phát hành với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

### **3.6 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

#### **3.6.1 Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**

Công ty đã áp dụng và thực hiện tốt các quy định để giảm thiểu việc tiêu tốn năng lượng, văn phòng phẩm, nước uống tại văn phòng nhằm bảo vệ môi trường.

#### **3.6.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Trong năm 2023, Công ty đã tổ chức đào tạo cho người lao động để người lao động nâng cao, phát triển chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng mềm cùng các kỹ năng khác.

#### **3.6.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương**

Công ty đã nỗ lực hỗ trợ cộng đồng trong năm 2023 vừa qua, bằng các hành động cụ thể như tham gia hiến máu tình nguyện, thăm và trao quà cùng số tiền đóng góp cho Mái ấm Quan Âm.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **4.1 Đánh giá của Hội đồng Thành viên về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội**

Năm 2023 là một năm đầy biến động đối với thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng, cụ thể:

- Năm 2023, tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, diễn biến phức tạp và khó lường. Dù vậy,



nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt được nhiều kết quả tích cực, đáng ghi nhận như: Tăng trưởng GDP ước đạt khoảng 5,05%; nguồn vốn FDI vào Việt Nam đạt hơn 36,61 tỷ USD, tăng trên 32% so với cùng kỳ năm 2022;...

- Không ngoài xu thế trên, trong năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam đã diễn biến phức tạp và chịu áp lực lớn từ biến động của thị trường quốc tế. Nửa đầu năm 2023, nhiều phiên giao dịch trầm lắng, thanh khoản sụt giảm so với năm 2022 với nguyên nhân chủ yếu đến từ sự suy giảm tăng trưởng của các nền kinh tế lớn, lạm phát dai dẳng, chính sách thắt chặt tiền tệ, căng thẳng chính trị,...
- Bất chấp các khó khăn nêu trên, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn đạt được những điểm ấn tượng trong năm 2023 như sau:
  - + Số lượng tài khoản của các nhà đầu tư mới (F0) tiếp tục tăng mạnh: Cụ thể, theo Trung tâm lưu ký chứng khoán, tính đến ngày 31/12/2023, lũy kế số lượng tài khoản nhà đầu tư tại Việt Nam vượt 7,29 triệu tài khoản, tương đương 7,5% dân số.
  - + Ra mắt hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

Với những diễn biến của nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng nêu trên, hoạt động của Công ty trong năm 2023 đã có sự ảnh hưởng nhất định nhưng cũng có những điểm sáng. Các tổ chức đoàn thể và hoạt động của Công ty được thực hiện tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành.

Công ty đã nỗ lực hỗ trợ cộng đồng thông qua các chương trình thiện nguyện như các đợt vận động hiến máu tình nguyện, thăm và tặng quà cho Mái ấm Quan Âm. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã tổ chức nhiều chương trình nội bộ để gắn kết nhân viên, tạo sự đoàn kết như tổ chức các minigame nhân dịp sinh nhật Công ty / các ngày lễ lớn trong năm, phát động ngày hội áo dài, tổ chức giải bóng đá và bowling,...

#### **4.2 Đánh giá của Hội đồng thành viên về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**

Trong diễn biến phức tạp của thị trường chứng khoán, Ban Tổng Giám đốc đã xử lý tốt các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày cũng như kịp thời báo cáo cho Hội đồng thành viên những vấn đề quan trọng phát sinh để kịp thời xử lý.

#### **4.3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng thành viên**

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán cơ sở cũng như chứng khoán phái sinh. Cùng với sự hỗ trợ và hướng dẫn của hai thành viên góp vốn là nhà đầu tư nước ngoài, mọi hoạt động, quy trình của Công ty đều được xem xét và điều chỉnh nhằm hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ hoạt động, chú trọng công tác tuân thủ và mở rộng quy mô phù hợp với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 5.1 Hội đồng thành viên

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu phần vốn góp (%)
1	Chao, Jen-Kai	Chủ tịch Hội đồng Thành viên	-
2	Yuanta Securities Asia Financial Services Private Limited	Thành viên Hội đồng Thành viên	94,1
3	Yuanta Securities (Hong Kong) Company Limited	Thành viên Hội đồng Thành viên	5,9

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng thành viên:

Ngoài Thư ký Công ty là Bà Huỳnh Ngọc Duyên, Hội đồng thành viên hiện có 03 tiểu ban bao gồm: Hội đồng quản lý rủi ro, Hội đồng thị trường vốn, Phòng Kiểm toán nội bộ, cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
<i>Hội đồng quản lý rủi ro</i>		
1	Huỳnh Thị Hoàng Anh	Chủ tịch
2	Nguyễn Thế Minh	Thành viên
3	Trương Quang Bình	Thành viên
4	Ong Cheow Kheng	Thành viên
5	Tay Ai Khim	Thành viên
6	Chao, Jen-Kai	Thành viên
<i>Hội đồng thị trường vốn (CMC)</i>		
1	Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch CMC
2	Chao, Jen-Kai	Thành viên
3	Hwang Wei Cherng	Thành viên
4	Tan Pei San	Thành viên
<i>Phòng Kiểm toán nội bộ</i>		
1	Đình Hồng Đức	Trưởng phòng

c) Hoạt động của Hội đồng thành viên:

- HĐQT chỉ đạo và theo sát hoạt động hàng ngày của Ban Tổng Giám đốc.
- Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán, báo cáo tài chính các quý và báo cáo tài chính bán niên soát xét trong năm 2023, báo cáo quản trị và báo cáo thường niên năm 2022.
- Đơn đốc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023 đã được HĐQT thông qua và có những điều chỉnh kịp thời để phù hợp với việc tái cơ cấu hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình diễn biến của thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Năm 2023, HĐQT đã có 13 cuộc họp (họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến) cùng với sự tham gia đầy đủ của các thành viên để giải quyết các vấn đề của Công ty và thông qua các vấn đề cụ thể sau:

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	12/01/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc chi trả thưởng hiệu suất năm 2022 cho toàn bộ nhân viên Công ty.</li> <li>- Thông qua ngân sách hoạt động dự kiến năm 2023 của Công ty.</li> <li>- Thông qua Chính sách chi trả thù lao cho Người đại diện theo ủy quyền của Thành viên Hội đồng Thành viên.</li> <li>- Thông qua ngân sách chi trả thù lao cho Người đại diện theo ủy quyền của Thành viên Hội đồng Thành viên năm 2023.</li> <li>- Thông qua ngân sách chi trả thù lao cho thành viên Ban Kiểm soát năm 2023.</li> <li>- Thông qua chi phí dịch vụ bảo trì cho hệ thống giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2023.</li> <li>- Thông qua Tuyên bố về việc thực hiện công tác Phòng chống rửa tiền và Tài trợ khủng bố của Công ty trong năm 2022.</li> <li>- Thông qua hạn mức rủi ro hàng năm cho năm 2023 của Công ty.</li> <li>- Thông qua việc sửa đổi chính sách hoạt động kinh doanh môi giới chứng khoán phái sinh.</li> </ul>
2	02-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	17/02/2023	Thông qua việc nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Sài Gòn – Phòng giao dịch Khánh Hội và các vấn đề liên quan khác.
3	03-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	17/02/2023	Thông qua khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và các vấn đề liên quan khác.

4	04-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	17/02/2023	Thông qua khoản vay thấu chi tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Bình Phú và các vấn đề liên quan khác.
5	05-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	17/02/2023	Thông qua việc mở tài khoản tại các ngân hàng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam,</li> <li>- Ngân hàng TMCP Tiên Phong,</li> <li>- Ngân hàng TMCP An Bình,</li> <li>- Ngân hàng TMCP Á Châu.</li> </ul>
6	06-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	17/02/2023	Miễn nhiệm chức danh Giám đốc bộ phận Kiểm toán nội bộ đối với bà Phan Thị Thanh Thúy kể từ ngày 20/02/2023.
7	07-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	17/02/2023	Thông qua khoản vay tín dụng hạn mức tuần hoàn từ Yuanta Securities Asia Financial Services Private Limited cho Công ty.
8	08-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	17/02/2023	Thông qua việc sửa đổi danh sách các thành viên được ủy quyền chữ ký cho tài khoản ngân hàng hiện tại và tài khoản ngân hàng mở mới của Công ty mở tại các ngân hàng.
9	09-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	17/02/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc sửa đổi chính sách phân quyền đối với các vấn đề phi tín dụng và bản phân quyền của phòng Tài chính – Kế toán của Công ty.</li> <li>- Thông qua tuyên bố về việc thực hiện công tác kiểm soát nội bộ của Công ty năm 2022.</li> </ul>
10	10-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	17/03/2023	Thông qua toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty.
11	11-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	17/03/2023	Thông qua việc không phân chia lợi nhuận của Công ty năm 2022.
12	12-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	17/03/2023	Chỉ định Công ty TNHH PwC (Việt Nam) và thông qua mức phí kiểm toán cho PwC để thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.
13	13-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	17/03/2023	Thông qua khoản vay từ Ngân hàng Cathay United Bank Co., Ltd và các vấn đề liên quan khác.
14	14-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	17/03/2023	Thông qua khoản vay từ Taishin International Bank Co., Ltd – Chi nhánh Singapore và các vấn đề liên quan khác.
15	15-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/04/2023	Thông qua hạn mức tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa và các vấn đề liên quan khác.
16	16-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/04/2023	Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Định và các vấn đề liên quan khác.
17	17-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/04/2023	Thông qua khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong và các vấn đề liên quan khác.

18	18-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/04/2023	Thông qua tổng chi phí di dời Trung tâm Dữ liệu của Công ty năm 2023 và chi phí thay đổi dự án và các vấn đề liên quan khác.
19	19-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/04/2023	Thông qua việc bổ nhiệm ông Trần Công Quyền làm Chuyên viên Phòng Kiểm toán nội bộ kể từ ngày 17/04/2023.
20	20-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	19/05/2023	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hoạt động của Hội đồng Quản lý rủi ro.
21	21-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	19/06/2023	Thông qua khoản vay tại KGI Bank Company Limited và các vấn đề liên quan khác.
22	22-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	19/06/2023	Thông qua khoản vay tại Bank Sinopac Company Limited, khoản vay và hạn mức giao dịch TMU tại Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. HCM và các vấn đề liên quan khác.
23	23-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	19/06/2023	Thông qua khoản vay tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam và các vấn đề liên quan khác.
24	24-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	19/06/2023	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Chính sách Phòng, chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố.
25	25-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	19/06/2023	Thông qua việc bổ nhiệm ông Đinh Hồng Đức làm Trưởng phòng, Phòng Kiểm toán nội bộ kể từ ngày 19/06/2023.
26	26-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	17/07/2023	Thông qua quy trình và kế hoạch của Công ty nhằm đảm bảo các chuẩn mực độc lập giữa Công ty và kế toán viên công chứng (CPA).
27	27-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	17/07/2023	Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát đối với Bà Mai Thị Ngọc Duyên và bầu ông Trần Công Quyền làm Thành viên Ban kiểm soát.
28	28-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/08/2023	Thông qua khoản vay tại First Commercial Bank, Offshore Banking Branch và các vấn đề liên quan khác.
29	29-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/08/2023	Thông qua khoản vay tại Taipei Fubon Commercial Bank Company Limited; khoản vay bằng đồng Việt Nam và hạn mức rủi ro trước thanh toán (PSR) để phòng ngừa rủi ro tại Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và các vấn đề liên quan khác.
30	30-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/08/2023	Thông qua ngân sách hoạt động được điều chỉnh cho năm 2023 của Công ty.
31	31-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/08/2023	Thông qua tổng chi phí gia hạn Hợp đồng dịch vụ bảo trì hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh của Công ty năm 2024 và các vấn đề liên quan khác.
32	32-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/08/2023	Thông qua việc ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty thay mặt và đại diện cho Công ty quyết

			định và thực hiện tất cả các công việc cần thiết với bất kỳ bên thứ ba nào liên quan đến tranh chấp giữa những người sở hữu trái phiếu mã NVLH2123013 (“Người Sở Hữu Trái Phiếu”) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va thay mặt cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (Khách hàng của Công ty).
33	33-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	11/09/2023	Thông qua việc thay đổi địa chỉ chi nhánh Hà Nội và các vấn đề liên quan khác.
34	34-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/09/2023	Thông qua khoản vay tại Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và các vấn đề liên quan khác.
35	35-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/09/2023	Thông qua khoản vay tại Ngân hàng Far Eastern International Bank Company Limited và các vấn đề liên quan khác.
36	36-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/09/2023	Thông qua khoản vay tại Ngân hàng Oversea-Chinese Banking Corporation Limited và các vấn đề liên quan khác.
37	37-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/09/2023	Thông qua khoản vay tại Ngân hàng Mega International Commercial Bank Company Limited – Chi nhánh Lan Ya và khoản vay tại Ngân hàng Mega International Commercial Bank Company Limited – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và các vấn đề liên quan khác.
38	38-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/09/2023	Thông qua hạn mức thấu chi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và các vấn đề liên quan khác.
39	39-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/09/2023	Thông qua khoản vay tại Ngân hàng Shanghai Commercial and Savings Bank Limited – Chi nhánh Offshore Banking và việc mở tài khoản tại Ngân hàng Shanghai Commercial and Savings Bank Limited – Chi nhánh Đồng Nai của Công ty cùng các vấn đề liên quan khác.
40	40-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/09/2023	Thông qua chi phí cho Chiến dịch “Cùng Yuanta Việt Nam trải nghiệm Đài Loan” của Công ty và các vấn đề liên quan khác.
41	41-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/09/2023	Thông qua ngoại lệ về việc cung cấp Hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ cho Khách hàng Tổ chức của Công ty.
42	42-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/10/2023	Thông qua khoản vay tại Ngân hàng Chang Hwa Commercial Bank Limited – Chi nhánh Singapore và các vấn đề liên quan khác.
43	43-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/10/2023	Thông qua khoản vay tại Ngân hàng CTBC Bank Company Limited – Chi nhánh OBU và hạn mức rủi ro

			trước thanh toán cho giao dịch phái sinh với mục đích ngăn ngừa rủi ro tại Ngân hàng CTBC Bank Company Limited – Chi nhánh TP.HCM cùng các vấn đề liên quan khác.
44	44-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/10/2023	Thông qua khoản vay tại Ngân hàng United Overseas Bank (Vietnam) Limited và các vấn đề liên quan khác.
45	45-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/10/2023	Thông qua khoản vay tại Ngân hàng Indovina Bank Limited và các vấn đề liên quan khác.
46	46-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/10/2023	Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát của Công ty đối với Ông Mạc Hữu Danh.
47	47-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	18/10/2023	Thông qua việc sửa đổi Chính sách hoạt động kinh doanh giao dịch ký quỹ tại Công ty.
48	48-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	17/11/2023	Thông qua việc mở tài khoản tiền gửi ký quỹ tự doanh tại Ngân hàng thanh toán (Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Vietinbank) và tài khoản chứng khoán ký quỹ tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cho hoạt động tự doanh chứng khoán phái sinh của Công ty.
49	49-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	17/11/2023	Thông qua tổng chi phí gia hạn Hợp đồng dịch vụ bảo trì Trung tâm Dữ liệu của Công ty năm 2024 cùng các vấn đề liên quan khác.
50	50-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	17/11/2023	Thông qua tổng chi phí gia hạn Hợp đồng dịch vụ bảo trì các chức năng của phần mềm giao dịch trực tuyến của Công ty năm 2024 và các vấn đề liên quan khác.
51	51-2023/QĐ-HĐTV-YSVN	20/12/2023	Thông qua các nội dung sau: + Khoản vay tại Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd – Chi nhánh Đồng Nai và các vấn đề có liên quan; + Sửa đổi Điều 1 của Quyết định số 38-2023/QĐ-HĐTV-YSVN ngày 18/09/2023 của Hội đồng thành viên liên quan đến khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và các vấn đề có liên quan; + Chi phí gia hạn Hợp đồng bảo trì Hệ thống phần mềm lõi giao dịch chứng khoán của Công ty năm 2024 và các vấn đề có liên quan; + Chi phí dịch vụ Tư vấn và Đánh giá, đăng ký chứng nhận cho Hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001 của Công ty năm 2024 và các vấn đề có liên quan;

			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Việc xây dựng Chính sách Quản lý rủi ro hoạt động và Quy định về Báo cáo sự kiện rủi ro hoạt động của Công ty;</li> <li>+ Chi phí gia hạn Hợp đồng thuê văn phòng cho Chi nhánh Đà Nẵng của Công ty;</li> <li>+ Việc thanh lý thiết bị của phòng Trung tâm Dữ liệu cũ của Công ty và các vấn đề có liên quan.</li> </ul>
--	--	--	---

d) Hoạt động thành viên HĐQT độc lập: Không có.

Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:

- Hội đồng thị trường vốn: Trong năm 2023, Hội đồng thị trường vốn đã có 01 cuộc họp lấy ý kiến bằng văn bản để thống nhất, phê duyệt các nội dung liên quan đến hoạt động của Phòng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư.
- Hội đồng quản lý rủi ro: Trong năm 2023, Hội đồng quản lý rủi ro đã có 05 cuộc họp theo hình thức họp trực tuyến để kịp thời cập nhật về tình hình thị trường và đưa ra những ý kiến liên quan đến việc quản lý rủi ro, hạn mức giao dịch, đảm bảo lợi ích của Công ty.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Bên cạnh Thư ký Công ty (bà Huỳnh Ngọc Duyên) đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty; trong năm 2023, đại diện theo ủy quyền của các thành viên Hội đồng thành viên đã tự chủ động tìm hiểu, nghiên cứu các tài liệu liên quan đến quản trị công ty áp dụng cho công ty chứng khoán.

## 5.2 Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của BKS:

STT	Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Tỷ lệ sở hữu CP Công ty (%)
1	Ong Cheow Kheng	Trưởng Ban Kiểm soát	19/07/2019	0
2	Mạc Hữu Danh	Thành viên Ban Kiểm soát	19/07/2019 <i>Miễn nhiệm</i> 18/10/2023	0
3	Mai Thị Ngọc Duyên	Thành viên Ban Kiểm soát	19/06/2020 <i>Miễn nhiệm</i> 17/07/2023	0
4	Trần Công Quyền	Thành viên Ban Kiểm soát	17/07/2023	0

b) Hoạt động của BKS:



- Trong nhiệm kỳ này, Ban Kiểm soát nắm bắt khá rõ hoạt động của Công ty cũng như tương tác hiệu quả để thực hiện tốt vai trò kiểm soát của mình.
- Ban Kiểm soát đã tổ chức họp đủ 04 lần trong năm như quy định tại Điều lệ Công ty, thực hiện kiểm soát thường xuyên hoạt động của Công ty cũng như kiểm tra, giám sát tuân thủ quy định của Pháp luật, việc triển khai và thực hiện các quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023.
- Giám sát việc công bố thông tin và nộp báo cáo của Công ty theo quy định pháp luật hiện hành.
- Thẩm tra việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính các quý, nửa năm và năm 2023 của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, phòng chống rửa tiền và các hoạt động khác của Công ty.
- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã nhiệt tình cung cấp thông tin theo yêu cầu và tạo mọi điều kiện để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

### **5.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc**

a) Tổng thù lao chi trả trong năm cho:

- Thành viên HĐQT: 548.313.561 VNĐ.
- Ban Kiểm soát: 371.439.009 VNĐ.
- Ban Tổng Giám đốc: 12.920.834.259 VNĐ.

Các chức danh quản lý khác tại Công ty hưởng lương theo chính sách của người lao động Công ty.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

- Thành viên YSAF phát hành thư bảo lãnh cho khoản vay của YSVN tại Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) và Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
- YSVN ký hợp đồng hạn mức vay với tổng hạn mức 30 triệu USD từ thành viên YSAF.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2023, Ủy ban Chứng khoán không tổ chức các khóa học tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh và Ban Tổng giám đốc tập trung điều hành hoạt động hàng ngày nên chưa thể tham gia các khóa học được tổ chức tại địa điểm không phải là Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng Thư ký Công ty – bà Huỳnh Ngọc Duyên, đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty ngày 24/10/2018.

Cơ cấu tổ chức Công ty được thường xuyên điều chỉnh để phù hợp với mô hình hoạt động kinh doanh chứng khoán cũng như tuân thủ quy định pháp luật hiện hành. Mặt khác, Công

ty cũng thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật về sự thay đổi của Luật doanh nghiệp, chứng khoán, trong đó có nội dung về quản trị công ty để cấp quản lý nắm bắt, cân nhắc áp dụng vào thực tiễn Công ty.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **6.1 Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của kiểm toán viên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

### **6.2 Báo cáo tài chính được kiểm toán**

Theo file đính kèm.

*Nơi nhận:*

- UBCK, SGDCKVN,  
SGDCKHCM, SGDCKHN;
- Lưu: Phòng Pháp chế và  
Tuân thủ.

**XÁC NHẬN CỦA**  
**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**



**CHAO, JEN-KAI**

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

5

5

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01 – CTCK)	6
Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B02 – CTCK)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03b – CTCK)	11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B04 – CTCK)	14
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – CTCK)	15

## CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 3700334885 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 6) ngày 3 tháng 7 năm 2023.

#### Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 127/GP-UBCK ngày 14 tháng 6 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 51/GPĐC-UBCK được cấp ngày 22 tháng 6 năm 2023.

#### Hội đồng Thành viên ("HĐTV")

Yuanta Securities Asia Financial Services Private Limited, gồm các đại diện theo ủy quyền như sau:

Ông Chao Jen Kai	Chủ tịch HĐTV
Ông Hwang Wei Cherng	Thành viên
Ông Kuo Feng Hsiang	Thành viên
Ông Ooi Thean Yat Ronald Anthony	Thành viên
Bà Chien Wei Ching	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên
Ông Lê Minh Tâm	Thành viên

(đến ngày 17 tháng 10 năm 2023)

Yuanta Securities (Hong Kong) Company Limited, gồm các đại diện theo ủy quyền như sau:

Ông Wang Yi Min	Thành viên
Ông Tan Pei San	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Ong Cheow Kheng	Trưởng ban
Ông Trần Công Quyền	Thành viên
	(từ ngày 17 tháng 7 năm 2023)
Bà Mai Thị Ngọc Duyên	Thành viên
	(đến ngày 16 tháng 7 năm 2023)
Ông Mạc Hữu Danh	Thành viên
	(đến ngày 17 tháng 10 năm 2023)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Quyên	Phó Tổng Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Chao Jen Kai	Chủ tịch HĐTV
------------------	---------------

## CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

<b>Trụ sở chính</b>	Tầng 4, Tòa nhà Saigon Centre, 65 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
<b>Chi nhánh Chợ Lớn</b>	521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
<b>Chi nhánh Hà Nội</b>	Tầng G và Tầng 2A, Tòa nhà CONINCO BUILDING, số 4 phố Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
<b>Chi nhánh Bình Dương</b>	455 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
<b>Chi nhánh Đồng Nai</b>	Tầng trệt, Tháp B, Tòa nhà The Pegasus, 53 – 55 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
<b>Chi nhánh Đà Nẵng</b>	Tầng 1, 150 – 156 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
<b>Chi nhánh Vũng Tàu</b>	Tầng 3, Tòa nhà Hodeco, 36 Nguyễn Thái Học, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
<b>Phòng giao dịch Láng Hạ</b>	Phòng 202, Tầng 2, Tòa nhà Ford Thăng Long, 105 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Chứng khoán Yunta Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Tổng Giám đốc của Công ty để phê duyệt và ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Thư Ủy quyền ngày 4 tháng 5 năm 2023.

#### Phê chuẩn báo cáo tài chính

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 68. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.



Nguyễn Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc/  
Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 12 tháng 3 năm 2024



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP  
GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Chứng khoán Yuanta Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023, và được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 12 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 68.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

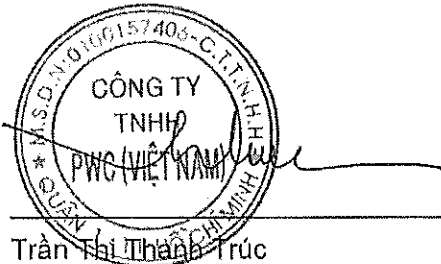




### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Trần Thị Thanh Trúc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3047-2024-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Đào Trọng Hoàng  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
5620-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM14550  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B01 – CTCK


BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

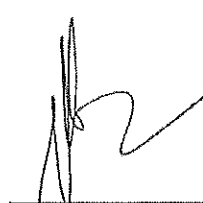
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
	<b>TÀI SẢN</b>			
100	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>4.564.611.509.954</b>	<b>3.825.216.770.693</b>
110	Tài sản tài chính		4.556.967.144.163	3.820.653.422.605
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.1	653.076.061.644	1.153.935.140.644
111.1	Tiền		403.076.061.644	403.935.140.644
111.2	Các khoản tương đương tiền		250.000.000.000	750.000.000.000
112	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	3.2(a)	-	-
113	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	3.2(b)	788.000.000.000	400.000.000.000
114	Các khoản cho vay	3.2(c)	3.055.596.049.072	2.232.569.027.494
116	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	3.2(c)	(2.487.280.054)	(2.487.280.054)
117	Các khoản phải thu	3.3	58.239.352.228	33.967.655.244
117.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		58.239.352.228	33.967.655.244
117.3	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		27.360.450.869	21.616.120.999
117.4	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		30.878.901.359	12.351.534.245
118	Trả trước cho người bán	3.5	2.977.669.154	1.742.104.054
119	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.3	1.385.221.119	746.362.923
122	Các khoản phải thu khác	3.3	5.623.719.045	5.624.476.207
129	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	3.4	(5.443.648.045)	(5.444.063.907)
130	Tài sản ngắn hạn khác		7.644.365.791	4.563.348.088
131	Tạm ứng		1.517.384.529	760.847.576
133	Chi phí trả trước ngắn hạn	3.6(a)	6.126.981.262	3.802.500.512
200	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>64.467.867.428</b>	<b>72.583.909.902</b>
220	Tài sản cố định		24.529.459.197	35.160.709.319
221	Tài sản cố định hữu hình	3.7(a)	15.951.341.068	21.302.210.523
222	Nguyên giá		58.198.134.293	64.455.486.860
223a	Giá trị khấu hao lũy kế		(42.246.793.225)	(43.153.276.337)
227	Tài sản cố định vô hình	3.7(b)	8.578.118.129	13.858.498.796
228	Nguyên giá		30.973.339.680	30.850.770.540
229a	Giá trị khấu hao lũy kế		(22.395.221.551)	(16.992.271.744)
240	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.7(c)	403.972.290	279.750.000
250	Tài sản dài hạn khác		39.534.435.941	37.143.450.583
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	3.8	6.317.615.358	5.124.009.230
252	Chi phí trả trước dài hạn	3.6(b)	3.021.292.647	2.666.528.374
253	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	3.17	195.527.936	195.527.936
254	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.9	20.000.000.000	19.157.385.043
255	Tài sản dài hạn khác	3.10	10.000.000.000	10.000.000.000
270	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>4.629.079.377.382</b>	<b>3.897.800.680.595</b>

Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

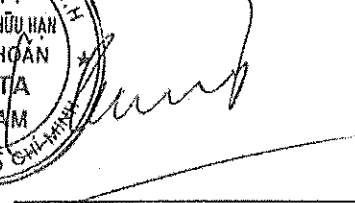
## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
300	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.628.265.963.130</b>	<b>1.517.890.205.238</b>
310	<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>1.626.265.963.130</b>	<b>1.515.890.205.238</b>
311	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		1.549.254.000.000	1.425.134.000.000
312	Vay ngắn hạn	3.11	1.549.254.000.000	1.425.134.000.000
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.12	3.207.895.094	6.023.715.874
320	Phải trả người bán ngắn hạn		1.724.520.703	167.805.000
322	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.13	17.990.356.007	20.246.530.957
323	Phải trả người lao động	3.14	40.982.744.846	36.077.163.396
324	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		745.871.086	731.419.675
325	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.15	11.166.967.513	26.296.013.097
329	Các khoản phải trả khác ngắn hạn		8.485.689	28.435.047
331	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.185.122.192	1.185.122.192
340	<b>Nợ phải trả dài hạn</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
355	Quỹ bảo vệ nhà đầu tư	3.16	2.000.000.000	2.000.000.000
400	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>3.000.813.414.252</b>	<b>2.379.910.475.357</b>
410	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>3.000.813.414.252</b>	<b>2.379.910.475.357</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.500.924.317.200	2.000.924.317.200
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu	3.18	2.500.000.000.000	2.000.000.000.000
411.4	Vốn khác của chủ sở hữu		924.317.200	924.317.200
414	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		22.616.594.760	22.616.594.760
415	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		21.712.388.413	21.712.388.413
417	Lợi nhuận chưa phân phối	3.19	455.560.113.879	334.657.174.984
417.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		456.342.225.623	334.243.463.628
417.2	(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(782.111.744)	413.711.356
440	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.629.079.377.382</b>	<b>3.897.800.680.595</b>

  
Đào Thị Ngọc Thủy  
Người lập

  
Bùi Đình Vinh  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 12 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B01 – CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2023	31.12.2022
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>		<i>Theo mệnh giá (VND)</i>	
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của công ty chứng khoán		1.110.000	1.110.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của công ty chứng khoán		506.430.000	506.430.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của công ty chứng khoán		670.000	670.000
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (VND)</b>		<i>Theo mệnh giá (VND)</i>	
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của nhà đầu tư		19.837.843.713.663	12.404.815.622.133
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		17.374.021.010.000	10.352.480.490.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		77.939.580.000	180.614.700.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		1.864.396.620.000	1.437.318.020.000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		203.246.240.000	92.810.700.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		126.375.800.000	97.403.720.000
021.7	Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư		191.864.463.663	244.187.992.133
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của nhà đầu tư		27.294.510.000	28.420.820.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		27.294.510.000	28.420.820.000
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư		462.004.899.410	171.668.232.520
026	Tiền gửi của khách hàng		953.540.761.946	927.127.954.243
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		761.676.298.283	682.939.962.110
027.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC		191.864.463.663	244.187.992.133
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		761.676.079.883	682.939.733.110
031.1	Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		712.103.931.982	618.959.697.256
031.2	Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		49.572.147.901	63.980.035.854
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		148.400	119.000

Đào Thị Ngọc Thủy  
Người lập

Bùi Đình Vinh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 12 tháng 3 năm 2024



Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B02 – CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
01	Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL		65.015.300	348.805.715
01.1	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	4.1	25.000.000	288.039.525
01.2	Tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	4.2	40.000.000	58.857.521
01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL		15.300	1.908.669
02	Lãi từ các khoản đầu tư HTM		110.956.068.413	22.100.630.133
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		280.643.741.646	357.009.558.970
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		169.919.600.786	218.623.638.971
08	Doanh thu nghiệp vụ đầu tư chứng khoán		217.647.840	307.235.329
09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		4.852.689.285	3.472.475.490
10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		315.000.000	6.083.544.545
11	Thu nhập hoạt động khác		-	228.128.254
<b>20</b>	<b>TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>		<b>566.969.763.270</b>	<b>608.174.017.407</b>
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
21	Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		(40.000.000)	(142.647.948)
21.1	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	4.1	-	(10.424.372)
21.2	Tăng chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	4.2	(40.000.000)	(132.223.576)
24	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	4.3	(98.170.778.599)	(103.726.408.944)
26	Chi phí hoạt động tự doanh		-	(718.262)
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	4.4	(174.779.155.832)	(210.110.041.726)
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	4.4	(9.281.683.778)	(8.237.142.780)
31	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	4.4	(2.986.233.652)	(4.923.767.586)
<b>40</b>	<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>(285.257.851.861)</b>	<b>(327.140.727.246)</b>
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
41	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		11.054.449	1.507.373
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		7.979.609.110	1.550.248.748
<b>50</b>	<b>TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		<b>7.990.663.559</b>	<b>1.551.756.121</b>
<b>CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
51	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(1.523.423)	(930.800)
<b>60</b>	<b>TỔNG CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		<b>(1.523.423)</b>	<b>(930.800)</b>

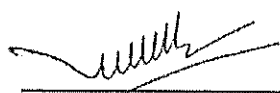
Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

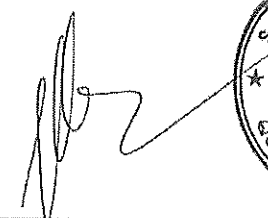
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B02 – CTCK

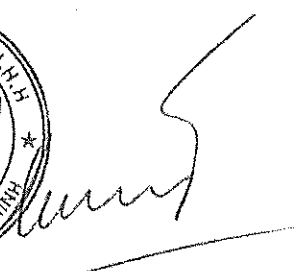
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
62	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	4.5	(136.165.657.205)	(122.466.100.795)
70	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		<u>153.535.394.340</u>	<u>160.118.014.687</u>
	<b>THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>			
71	Thu nhập khác		608.620.067	590.320.646
72	Chi phí khác		(445.927.157)	(634.063.125)
80	<b>TỔNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC</b>		<u>162.692.910</u>	<u>(43.742.479)</u>
90	<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<u>153.698.087.250</u>	<u>160.074.272.208</u>
91	Lợi nhuận đã thực hiện		153.698.087.250	160.147.638.263
92	Lỗ chưa thực hiện		-	(73.366.055)
100	<b>CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")</b>		<u>(32.795.148.355)</u>	<u>(32.594.905.948)</u>
100.1	Chi phí thuế TNDN - hiện hành	4.6	(32.795.148.355)	(32.609.579.159)
100.2	Thu nhập thuế TNDN - hoãn lại	4.6	-	14.673.211
200	<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<u>120.902.938.895</u>	<u>127.479.366.260</u>

  
Đào Thị Ngọc Thủy  
Người lập

  
Bùi Đình Vinh  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 12 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		153.698.087.250	160.074.272.208
02	<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>		<b>39.840.562.528</b>	<b>40.327.037.552</b>
03	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		11.782.030.991	14.065.657.014
04	Các khoản dự phòng		(415.862)	(76.712)
06	Chi phí lãi vay	4.3	86.288.949.617	59.595.049.369
07	Lỗ từ hoạt động đầu tư		9.350.010	634.063.125
08	Dự thu tiền lãi		(58.239.352.228)	(33.967.655.244)
10	<b>Biến động các chi phí phi tiền tệ</b>		<b>40.000.000</b>	<b>132.223.576</b>
11	Tăng chênh lệch giảm về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	4.2	40.000.000	132.223.576
18	<b>Biến động các doanh thu phi tiền tệ</b>		<b>(40.000.000)</b>	<b>(58.857.521)</b>
19	Tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	4.2	(40.000.000)	(58.857.521)
30	<b>Thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(1.315.771.116.781)</b>	<b>1.414.363.253.404</b>
31	Giảm tài sản tài chính FVTPL		-	63.050.645
32	Tăng các khoản đầu tư HTM		(388.000.000.000)	(190.000.000.000)
33	(Tăng)/giảm các khoản cho vay		(823.027.021.578)	1.663.921.653.538
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		33.967.655.244	35.558.137.515
37	Tăng các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(638.858.196)	(170.761.924)
39	Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác		757.162	(177.254.199)
40	Tăng các tài sản khác		(2.792.758.038)	(3.368.728.484)
41	(Tăng)/giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(14.603.253.762)	8.783.907.221
42	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(1.216.986.195)	1.314.880.558
43	Thuế TNDN đã nộp	3.13	(29.943.236.728)	(36.147.797.333)
44	Lãi vay đã trả		(86.814.741.439)	(52.494.038.358)
45	Tăng phải trả cho người bán		321.150.603	531.669.658
46	Tăng/(giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		14.451.411	(9.244.327)
47	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(5.108.086.577)	(1.648.357.904)
48	Tăng/(giảm) phải trả người lao động		4.905.581.450	(10.314.454.233)
50	Giảm phải trả, phải nộp khác		(2.835.770.138)	(1.479.408.969)
60	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.122.232.467.003)</b>	<b>1.614.837.929.219</b>


Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B03b – CTCK


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
61	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(2.746.611.997)	(8.082.858.900)
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.746.611.997)	(8.082.858.900)
	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
71	Tiền thu từ vốn góp	6.1	500.000.000.000	-
73	Tiền vay gốc	5.1	6.240.085.000.000	5.245.237.000.000
74	Tiền chi trả nợ gốc vay	5.2	(6.115.965.000.000)	(5.780.265.503.665)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		<b>624.120.000.000</b>	<b>(535.028.503.665)</b>
90	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		<b>(500.859.079.000)</b>	<b>1.071.726.566.654</b>
101	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3.1	<b>1.153.935.140.644</b>	<b>82.208.573.990</b>
101.1	Tiền		403.935.140.644	82.208.573.990
101.2	Các khoản tương đương tiền		750.000.000.000	-
103	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3.1	<b>653.076.061.644</b>	<b>1.153.935.140.644</b>
103.1	Tiền		403.076.061.644	403.935.140.644
103.2	Các khoản tương đương tiền		250.000.000.000	750.000.000.000

  
Đào Thị Ngọc Thủy  
Người lập

  
Bùi Đình Vinh  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 12 tháng 3 năm 2024


Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
(tiếp theo)

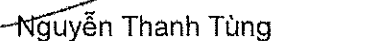
**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>		
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	53.091.329.158.450	70.668.638.364.890
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(62.431.022.305.080)	(74.869.733.193.480)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	42.735.188.057.417	55.088.938.226.855
07.1	Tiền gửi ký quỹ của khách hàng tại VSDC	(52.323.528.470)	150.120.364.266
08	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	(33.315.227.205.705)	(51.042.006.947.865)
11	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	(4.378.624.309)	(3.304.591.700)
14	Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	1.440.178.508.665	343.920.017.570
15	Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	(1.437.331.253.265)	(347.656.548.145)
20	<b>Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm</b>	<b>26.412.807.703</b>	<b>(11.084.307.609)</b>
30	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>927.127.954.243</b>	<b>938.212.261.852</b>
31	Tiền gửi ngân hàng	927.127.954.243	938.212.261.852
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	682.939.962.110	844.144.633.985
32.1	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán tại VSDC	244.187.992.133	94.067.627.867
40	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	<b>953.540.761.946</b>	<b>927.127.954.243</b>
41	Tiền gửi ngân hàng	953.540.761.946	927.127.954.243
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	761.676.079.883	682.939.843.110
42.1	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán tại VSDC	191.864.463.663	244.187.992.133
45	Tiền gửi của tổ chức phát hành	218.400	119.000

  
Đào Thị Ngọc Thủy  
Người lập

  
Bùi Đình Vinh  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 12 tháng 3 năm 2024

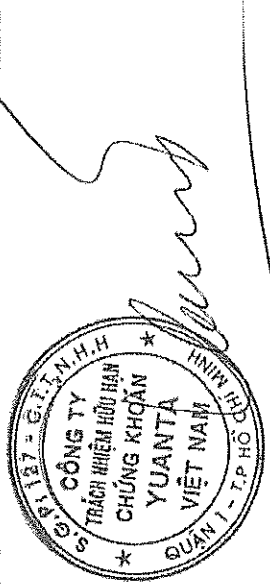
Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B04 – CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Tại ngày		Năm tài chính kết thúc ngày		Năm tài chính kết thúc ngày	
	1.1.2022	1.1.2023	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu						
1.1 Vốn điều lệ	2.000.924.317.200	2.000.924.317.200	-	-	500.000.000.000	-
1.2 Vốn khác của chủ sở hữu	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	-	-	500.000.000.000	-
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	924.317.200	924.317.200	-	-	-	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	22.616.594.760	22.616.594.760	-	-	-	-
4. và rủi ro nghiệp vụ	21.712.388.413	21.712.388.413	-	-	-	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	207.177.808.724	334.657.174.984	127.538.059.104	(58.692.844)	120.902.938.895	-
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	206.705.404.524	334.243.463.628	127.538.059.104	(58.692.844)	120.902.938.895	-
4.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	472.404.200	413.711.356	-	(1.195.823.100)	-	(1.195.823.100)
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.252.431.109.097</b>	<b>2.379.910.475.357</b>	<b>127.538.059.104</b>	<b>(58.692.844)</b>	<b>620.902.938.895</b>	<b>-</b>



Nguyễn Thanh Tùng  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 12 tháng 3 năm 2024

Bùi Đình Vinh  
 Kế toán trưởng

Đào Thị Ngọc Thủy  
 Người lập

Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

***Giấy phép thành lập và hoạt động***

Công ty TNHH Chứng khoán Yuanta Việt Nam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3700334885 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Giấy phép thành lập và hoạt động số 127/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 6 năm 2019. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 51/GPĐC-UBCK được cấp ngày 22 tháng 6 năm 2023.

Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 3.18.

***Trụ sở chính và thông tin liên hệ***

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 4, Saigon Centre, Số 65 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thông tin liên hệ :

Email: [customer.service@yuantavietnam.com.vn](mailto:customer.service@yuantavietnam.com.vn)

Điện thoại: +84 28 3622 6868

***Điều lệ hoạt động***

Điều lệ hoạt động của Công ty được ban hành ngày 18 tháng 12 năm 2014 và được cập nhật lần gần nhất ngày 17 tháng 2 năm 2023.

***Số lượng nhân viên***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 368 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 365 nhân viên).

***Quy mô vốn***

Vốn điều lệ của Công ty  
Tổng vốn chủ sở hữu  
Tổng tài sản

Tại ngày  
31 tháng 12 năm 2023  
 (“ngày báo cáo”)  
VND

2.500.000.000.000  
3.000.813.414.252  
4.629.079.377.382

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**

***Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư***

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng và chủ sở hữu của Công ty. Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành.

***Cấu trúc của Công ty***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 1 trụ sở chính, 6 chi nhánh và 1 phòng giao dịch hoạt động tại Việt Nam.

***Hoạt động chính***

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, cho vay ký quỹ, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

***Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính***

Trong năm 2023, thị trường chứng khoán toàn cầu diễn biến phức tạp kéo theo thị trường chứng khoán Việt Nam đối mặt với những đợt giảm mạnh. Theo đó, lợi nhuận ròng sau thuế của Công ty giảm gần 5% so với năm trước, trong đó:

- Doanh thu phí môi giới giảm 22% so với năm 2022, tương ứng với mức giảm khối lượng giao dịch thực hiện thông qua Công ty;
- Doanh thu từ giao dịch cho vay ký quỹ giảm 21% ảnh hưởng bởi sự yếu đi của thanh khoản trên thị trường chứng khoán;
- Chi phí lãi vay tăng 45% ảnh hưởng bởi lãi suất cho vay tăng theo đà chung của thị trường;
- Chi phí môi giới chứng khoán giảm 17% theo xu hướng giảm của doanh thu môi giới;
- Chi phí quản lý tăng 11% so với năm 2022 do gia tăng số lượng nhân sự và lương thưởng tại các bộ phận hỗ trợ phù hợp với sự phát triển của Công ty, chi phí quảng cáo quảng bá thương hiệu và chi phí thuê.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210/2014/TT-BTC"), Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334/2016/TT-BTC"), Công văn 6190/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 5 năm 2017 ("Công văn 6190/BTC-CĐKT") và Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 ("Thông tư 23/2018/TT-BTC") do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

**2.2 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu và việc trình bày các công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày báo cáo, cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

**2.3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**2.4 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty.

**2.6 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo, ngoại trừ các khoản vay và nợ phải trả mà Công ty đã sử dụng công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái, lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày báo cáo. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày báo cáo được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

**2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

**2.8 Tài sản tài chính**

**(a) Phân loại và đo lường**

*(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")*

Tài sản tài chính FVTPL là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc do Ban Tổng Giám đốc xác định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu nó là một phần của một danh mục các công cụ tài chính cụ thể được quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Nó là một công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.8 Tài sản tài chính (tiếp theo)**

**(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)**

*(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") (tiếp theo)*

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, một tài sản tài chính được xác định là tài sản tài chính FVTPL nếu việc phân loại này sẽ làm các thông tin về tài sản tài chính được trình bày một cách hợp lý hơn vì một trong các lý do sau đây:

- Nó loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự "không thống nhất kế toán") mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý của nó được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp nội bộ cho những người quản lý quan trọng của Công ty (được nêu rõ trong Chuẩn mực Kế toán số 26 – Thông tin về các bên liên quan).

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động.

*(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")*

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh mà:

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;
- Ngày đáo hạn là cố định;
- Công ty có ý định tích cực và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư HTM không bao gồm:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ ("FVTPL");
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán ("AFS"); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.8 Tài sản tài chính (tiếp theo)**

**(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)**

*(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp theo)*

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này, sau đó ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản đầu tư HTM được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị hoặc khả năng không thu hồi được do một số sự kiện xảy ra sau thời điểm ghi nhận ban đầu gây ảnh hưởng đến dòng tiền ước tính trong tương lai của các khoản đầu tư HTM. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm :

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Công ty đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, mà Công ty không thể xem xét hơn được;
- Khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính của bên đi vay là cao;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm đo lường được của dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các khoản đầu tư HTM kể từ khi ghi nhận ban đầu, mặc dù sự suy giảm đó chưa được xác định cụ thể đối với từng tài sản riêng lẻ trong nhóm, bao gồm:
  - (i) Những thay đổi tiêu cực trong tình hình trả nợ của những người vay trong cùng một nhóm; hoặc
  - (ii) Các điều kiện kinh tế trong nước hoặc địa phương có mối liên quan tới mất khả năng thanh toán đối với các khoản đầu tư HTM trong nhóm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.8 Tài sản tài chính (tiếp theo)**

**(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)**

*(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp theo)*

Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư HTM tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư HTM được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

*(iii) Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

Trong năm, Công ty có các khoản cho vay bao gồm:

- Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ; và
- Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch và/hoặc ngày liền kề sau đó. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai (2) ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.8 Tài sản tài chính (tiếp theo)**

**(b) Phân loại lại**

*(i) Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL*

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL, Công ty phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các nhóm tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL trước khi bán. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS lũy kế trong vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

*(ii) Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ*

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM") không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") và phải được định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

**(c) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận**

Việc mua và bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo ngày giao dịch – là ngày Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính.

Các tài sản tài chính được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba, nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.8 Tài sản tài chính (tiếp theo)**

**(d) Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm chi phí mua. Các tài sản tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các tài sản tài chính với giá trị bằng không (0).

**(e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý**

Công ty áp dụng nguyên tắc định giá tài sản tài chính theo Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 về chỉ tiêu an toàn tài chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán ("Thông tư 91/2020/TT-BTC") để làm căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

- (i) *Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM")*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo. Cổ phiếu giao dịch trên UPCoM được đánh giá lại căn cứ vào giá tham chiếu trong ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính.

- (ii) *Chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi*

Các chứng khoán này được định giá dựa trên giá trị sổ sách tại ngày báo cáo gần nhất.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán không thuộc các nhóm nêu trên sẽ được dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.8 Tài sản tài chính (tiếp theo)**

**(f) Hạch toán lãi/(lỗ)**

*Chi phí mua*

Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính FVTPL được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động. Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính khác được hạch toán vào giá gốc của tài sản.

*Chi phí bán*

Chi phí giao dịch bán các tài sản tài chính được hạch toán vào chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

*Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán*

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính được hạch toán vào doanh thu/(chi phí) hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

*Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính*

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính được ghi tăng/(giảm) chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

**2.9 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phát sinh trong năm được hạch toán tăng/(giảm) chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.10 Hợp đồng tương lai**

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn trong Công văn 6190/BTC-CKT, cụ thể như sau:

***Giao dịch môi giới***

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu 'Tài sản dài hạn khác' trên báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu 'Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán'.

Tiền và tài sản ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính ở chỉ tiêu 'Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư' và 'Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC'.

**2.11 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các tài sản đem đi thế chấp/cầm cố**

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư đem đi thế chấp/cầm cố để đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

**2.12 TSCĐ**

***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình***

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.12 TSCĐ (tiếp theo)**

*Khấu hao và hao mòn*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4%
Máy móc thiết bị	20% - 33%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	17% - 33%
Thiết bị dụng cụ quản lý	20% - 33%
Phần mềm tin học	20% - 34%

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình hình thành nhằm phục vụ công việc kinh doanh hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.13 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.14 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 1 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- Chi phí cải tạo văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.15 Ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn**

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Công ty thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.

**2.16 Nợ phải trả**

**(a) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận**

Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý khi ký kết hợp đồng giao dịch. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh. Các khoản phải trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và thận trọng.

**(b) Phân loại**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào loại nghiệp vụ phát sinh bao gồm:

- Nợ vay;
- Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán;
- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.17 Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Công ty hoặc là các hợp đồng có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tài sản tài chính và nợ tài chính được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tài chính trong trường hợp Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần, hoặc để cùng lúc thanh toán một tài sản và một khoản nợ phải trả.

**2.18 Các khoản vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các bên liên quan. Các khoản vay được trình bày theo giá gốc tại ngày báo cáo.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.19 Thuế thu nhập của nhà đầu tư**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài, Công ty có trách nhiệm giữ lại 0,1% giá trị chuyển nhượng để nộp thuế nhà thầu thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty cần giữ lại 0,1% giá trị chuyển nhượng để nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế trên giá trị chuyển nhượng mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

**2.20 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và được ghi nhận vào chi phí trong năm.

**2.21 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm.

**2.22 Vốn chủ sở hữu**

**(a) Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp.

Vốn khác của chủ sở hữu là số dư còn lại của thặng dư vốn cổ phần khi Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.22 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

**(b) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ**

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021 chính thức có hiệu lực, theo đó:

- Chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 được bãi bỏ toàn bộ.
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ theo Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Hội đồng Thành viên, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022:

- Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế TNDN cho mỗi quỹ vào mỗi năm có lợi nhuận cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ.
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm, sử dụng quỹ bảo vệ nhà đầu tư và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trích lập để bổ sung vốn điều lệ.

**(c) Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động sau thuế TNDN của Công ty tại ngày báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch đã phát sinh lũy kế đến ngày báo cáo.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động và thuế TNDN hoãn lại trên kết quả đánh giá lại đó.

Lợi nhuận đã thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.23 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

**(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư**

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành, phí tư vấn tài chính, phí lưu ký chứng khoán và hoạt động ủy thác đầu giá.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản giảm giá dịch vụ đã cung cấp. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm cung cấp dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày báo cáo nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

**(b) Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính**

Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính bao gồm lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính và cổ tức.

Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài sản tài chính được thanh lý, nhượng bán. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là thu nhập.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.23 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**

**(c) Thu nhập trên vốn kinh doanh**

Thu nhập trên vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản đầu tư HTM, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận theo phương pháp dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**(d) Thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập không thường xuyên phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu và thu nhập nêu trên.

**2.24 Chi phí**

**(a) Ghi nhận**

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**(b) Phân loại**

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng như sau:

- Chi phí hoạt động;
- Chi phí tài chính;
- Chi phí quản lý;
- Chi phí khác.

**2.25 Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh những khoản doanh thu từ hoạt động đầu tư phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng.

**2.26 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.27 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với quá trình hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc hình thành tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Công ty thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với những khoản vay có gốc ngoại tệ thông qua việc ký kết hợp đồng hoán đổi ngoại tệ với các ngân hàng. Chi phí phòng ngừa rủi ro phát sinh từ những hợp đồng này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng vào chi phí đi vay trong báo cáo kết quả hoạt động trong năm.

**2.28 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty.

**2.29 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.30 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.31 Tài sản của khách hàng và nợ phải trả khách hàng**

Tài sản của khách hàng và nợ phải trả khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính bao gồm:

- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành và nợ phải trả tương ứng; và
- Tài sản tài chính của nhà đầu tư.

**2.32 Số liệu bằng không**

Các khoản mục được quy định trong Thông tư 334/2016/TT-BTC, Công văn 6190/BTC-CĐKT và Thông tư 23/2018/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính được hiểu là có số liệu bằng không.

**3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
<b>Tiền</b>		
Tiền gửi ngân hàng	338.134.743.502	317.926.613.612
Tiền gửi bù trừ thanh toán và giao dịch chứng khoán	64.941.318.142	86.008.527.032
	<u>403.076.061.644</u>	<u>403.935.140.644</u>
<b>Các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	250.000.000.000	750.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<u><u>653.076.061.644</u></u>	<u><u>1.153.935.140.644</u></u>

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM**

Mẫu số B09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**3.2 Danh mục tài sản tài chính**

**(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)**

	Mã chứng khoán	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
		Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch		977.639.680	-	977.639.680	-
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Sài Gòn (*)	TRI	972.722.380	-	972.722.380	-
Cổ phiếu hủy niêm yết		4.917.300	-	4.917.300	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>977.639.680</b>	<b>-</b>	<b>977.639.680</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty Cổ phần Nước Giải khát Sài Gòn đã giải thể năm 2012.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	977.639.680	-	(977.639.680)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022				
	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	977.639.680	-	(977.639.680)	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**3.2 Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)**

**(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)**

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại trong nước	788.000.000.000	400.000.000.000
Trong đó		
Các khoản dùng để đảm bảo hạn mức thấu chi tại cùng ngân hàng tương ứng (*)	200.000.000.000	120.000.000.000
Các khoản dùng để đảm bảo hạn mức vay tại cùng ngân hàng tương ứng (Thuyết minh 3.11)	438.000.000.000	200.000.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn gốc là 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,20%/năm đến 8,70%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,60%/năm đến 9,50%/năm).

(\*) Công ty không có số dư thấu chi tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(c) Các khoản cho vay

	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Hợp đồng giao dịch ký quỹ (*)	3.008.229.626.135	(2.487.280.054)	2.221.769.448.131	(2.487.280.054)
Ứng trước tiền bán chứng khoán	47.364.935.188	-	10.797.588.218	-
Hỗ trợ giao dịch phái sinh	1.487.749	-	1.991.145	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.055.596.049.072</b>	<b>(2.487.280.054)</b>	<b>2.232.569.027.494</b>	<b>(2.487.280.054)</b>

(\*) Chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty nắm giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay. Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 10.694.555.294.469 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 7.480.244.052.165 Đồng).

Tình hình trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay trong năm như sau:

	Giá trị phải thu khó đòi		Dự phòng	
	Tại ngày 31.12.2023 VND	Tại ngày 31.12.2022 VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	2.487.280.054	2.487.280.054	-	-
				Tại ngày 31.12.2023 VND
				2.487.280.054

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị phải thu khó đòi VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị phải thu khó đòi VND
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính				
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	30.878.901.359	-	12.351.534.245	-
Tiền lãi từ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán	27.360.450.869	-	21.616.120.999	-
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	1.385.221.119	-	746.362.923	-
Các khoản phải thu khác				
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	5.443.648.045	5.443.648.045	5.444.063.907	5.444.063.907
Phải thu khác	180.071.000	-	180.412.300	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>65.248.292.392</b>	<b>5.443.648.045</b>	<b>40.338.494.374</b>	<b>5.444.063.907</b>

(\*) Đây là các khoản cho vay theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư chứng khoán được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư. Theo quy định của UBCKNN, Công ty đã chấm dứt nghiệp vụ này kể từ năm 2012.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn.

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM**

Mẫu số B09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**3.4 Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu**

	Giá trị phải thu khó đòi		Dự phòng			
	Tại ngày đầu năm VND	Tại ngày cuối năm VND	Tại ngày đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Tại ngày cuối năm VND
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư	5.444.063.907	5.443.648.045	5.444.063.907	-	(415.862)	5.443.648.045

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**3.5 Trả trước cho người bán**

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Công ty TNHH MTV DL Quốc tế Hải Vân Sài Gòn Travel	2.046.800.168	-
Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận	398.554.000	-
Khác	532.314.986	1.742.104.054
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.977.669.154</b>	<b>1.742.104.054</b>

**3.6 Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chi phí sửa chữa	3.860.966.837	2.262.857.652
Công cụ dụng cụ	538.220.479	519.827.265
Chi phí trả trước khác	1.727.793.946	1.019.815.595
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.126.981.262</b>	<b>3.802.500.512</b>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Công cụ dụng cụ	1.660.244.189	1.485.517.837
Chi phí sửa chữa	1.228.672.668	808.430.495
Chi phí trả trước khác	132.375.790	372.580.042
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.021.292.647</b>	<b>2.666.528.374</b>

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.7 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Phương tiện quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1.1.2023	12.133.175.000	48.787.863.096	2.423.136.600	1.111.312.164	64.455.486.860
Mua trong năm	-	725.930.200	-	132.503.704	858.433.904
Chuyển từ xây dựng cơ bản đó đang (Thuyết minh 3.7(c))	-	94.924.975	-	(56.100.000)	94.924.975
Thanh lý	-	(7.154.611.446)	-	-	(7.210.711.446)
Tại ngày 31.12.2023	12.133.175.000	42.454.106.825	2.423.136.600	1.187.715.868	58.198.134.293
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1.1.2023	7.927.007.731	32.293.617.293	1.883.520.829	1.049.130.484	43.153.276.337
Khấu hao trong năm	485.327.004	5.340.954.247	410.949.996	57.647.077	6.294.878.324
Thanh lý	-	(7.154.611.446)	-	(46.749.990)	(7.201.361.436)
Tại ngày 31.12.2023	8.412.334.735	30.479.960.094	2.294.470.825	1.060.027.571	42.246.793.225
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1.1.2023	4.206.167.269	16.494.245.803	539.615.771	62.181.680	21.302.210.523
Tại ngày 31.12.2023	3.720.840.265	11.974.146.731	128.665.775	127.688.297	15.951.341.068

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 19.574.976.438 Đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 24.444.061.861 Đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**3.7 TSCĐ (tiếp theo)**

**(b) TSCĐ vô hình**

**Phân mềm vi tính  
VND**

**Nguyên giá**

Tại ngày 1.1.2023

30.850.770.540

Mua trong năm

206.772.000

Thanh lý

(84.202.860)

Tại ngày 31.12.2023

**30.973.339.680**

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Tại ngày 1.1.2023

16.992.271.744

Hao mòn trong năm

5.487.152.667

Thanh lý

(84.202.860)

Tại ngày 31.12.2023

**22.395.221.551**

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 1.1.2023

**13.858.498.796**

Tại ngày 31.12.2023

**8.578.118.129**

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã hao mòn hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 8.036.557.680 Đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.674.798.860 Đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**3.7 TSCĐ (tiếp theo)**

**(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Phần mềm vi tính	279.750.000	279.750.000
Khác	124.222.290	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>403.972.290</b>	<b>279.750.000</b>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Số dư đầu năm	279.750.000	15.931.740.841
Tăng trong năm	1.681.406.093	4.273.192.000
Kết chuyển vào chi phí trả trước	(1.462.258.828)	(1.197.255.000)
Kết chuyển vào TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 3.7(a))	(94.924.975)	(11.282.637.841)
Kết chuyển vào TSCĐ vô hình	-	(7.445.290.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>403.972.290</b>	<b>279.750.000</b>

**3.8 Ký quỹ dài hạn**

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Ký quỹ thuê văn phòng	6.294.615.358	5.101.009.230
Khác	23.000.000	23.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.317.615.358</b>	<b>5.124.009.230</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**3.9 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán**

Theo Quyết định 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu Đồng tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và hàng năm đóng thêm số tiền là 0,01% của tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ Đồng/năm. Mức đóng góp tối đa vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ Đồng.

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Số dư đầu năm	19.157.385.043	16.657.385.043
Tiền nộp trong năm và lãi được phân bổ	842.614.957	2.500.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>19.157.385.043</b>

**3.10 Tài sản dài hạn khác**

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Tiền nộp Quỹ bù trừ	10.000.000.000	10.000.000.000

Theo Quy chế Quản lý và Sử dụng Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ Đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.11 Các khoản vay ngắn hạn

Biến động các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay bằng Đô la Mỹ (i)	1.215.134.000.000	5.276.085.000.000	(5.204.965.000.000)	1.286.254.000.000
Các ngân hàng nước ngoài	1.215.134.000.000	5.276.085.000.000	(5.204.965.000.000)	1.286.254.000.000
Vay bằng Đồng Việt Nam (ii)	210.000.000.000	964.000.000.000	(911.000.000.000)	263.000.000.000
Các ngân hàng trong nước	210.000.000.000	964.000.000.000	(911.000.000.000)	263.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.425.134.000.000</b>	<b>6.240.085.000.000</b>	<b>(6.115.965.000.000)</b>	<b>1.549.254.000.000</b>

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn từ 1 đến 6 tháng và dùng để bổ sung vốn lưu động.

(i) Các khoản vay bằng Đô la Mỹ không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất thả nổi từ 6,00% đến 7,01%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 1,10% đến 6,28%/năm). Công ty đã phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái trên toàn bộ số dư đi vay này thông qua việc ký kết các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ với các ngân hàng trong nước để chốt tỷ giá thanh toán.

(ii) Đây là các khoản vay theo khế ước từng lần bằng VND, trong đó có các khoản vay được đảm bảo bởi các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (Thuyết minh 3.2(b)). Lãi suất cố định của các khoản vay này là từ 2,97% đến 4,00%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 3,00% đến 10,40%/năm) và được xác định tại từng thời điểm giải ngân.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.12 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Phải trả các sở giao dịch chứng khoán	2.448.572.711	3.433.390.621
Phải trả Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	759.322.383	555.301.013
Khác	-	2.035.024.240
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.207.895.094</b>	<b>6.023.715.874</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

3.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Thuế TNDN – hiện hành	8.306.173.577	5.454.261.950
Thuế thu nhập cá nhân – nhà đầu tư	7.284.347.295	11.763.835.323
Thuế thu nhập cá nhân – nhân viên	2.186.814.677	1.954.571.351
Thuế nhà thầu nước ngoài	188.224.437	487.679.581
Thuế giá trị gia tăng	24.796.021	586.182.752
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.990.356.007</b>	<b>20.246.530.957</b>

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)

Biến động về thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 31.12.2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp và cán trừ trong năm VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Thuế TNDN – hiện hành	5.454.261.950	32.795.148.355	(29.943.236.728)	8.306.173.577
Thuế thu nhập cá nhân – nhà đầu tư	11.763.835.323	83.058.798.714	(87.538.286.742)	7.284.347.295
Thuế thu nhập cá nhân – nhân viên	1.954.571.351	25.333.358.613	(25.101.115.287)	2.186.814.677
Thuế nhà thầu nước ngoài	487.679.581	7.979.664.443	(8.279.119.587)	188.224.437
Thuế giá trị gia tăng	586.182.752	342.255.730	(903.642.461)	24.796.021
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.246.530.957</b>	<b>149.509.225.855</b>	<b>(151.765.400.805)</b>	<b>17.990.356.007</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**3.14 Phải trả người lao động**

Số dư thể hiện khoản tiền thưởng phải trả cho người lao động.

**3.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chi phí lãi vay và phòng ngừa rủi ro	5.450.533.016	22.382.908.532
Chi phí dịch vụ	603.431.560	615.662.284
Chi phí thưởng và hoa hồng	272.155.903	343.603.112
Chi phí phải trả khác	4.840.847.034	2.953.839.169
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.166.967.513</b>	<b>26.296.013.097</b>

**3.16 Quỹ bảo vệ nhà đầu tư**

Đây là khoản trích lập bồi thường thiệt hại nhà đầu tư trong hoạt động môi giới chứng khoán.

**3.17 Tài sản thuế TNDN hoãn lại**

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại Được thu hồi trong vòng 12 tháng	195.527.936	195.527.936

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**3.17 Tài sản thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)**

Biến động của tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Số dư đầu năm	195.527.936	180.854.725
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động (Thuyết minh 4.6)	-	14.673.211
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>195.527.936</b>	<b>195.527.936</b>

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chênh lệch tạm thời chịu thuế:		
Chênh lệch lỗ đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL (Thuyết minh 4.2)	977.639.680	977.639.680
Tính ở thuế suất 20%: Thuế TNDN hoãn lại	195.527.936	195.527.936

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

**3.18 Vốn góp của chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	
	VND	%
Yuanta Securities Asia Financial Services Private Limited	2.352.400.000.000	94,10
Yuanta Securities (Hong Kong) Company Limited	147.600.000.000	5,90
	<b>2.500.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, theo bản điều chỉnh gần nhất của Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 51/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 6 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 2.500 tỷ Đồng đã được góp đủ.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.19 Lợi nhuận chưa phân phối

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	456.342.225.623 (782.111.744)	334.243.463.628 413.711.356
<b>Tổng cộng</b>	<b>455.560.113.879</b>	<b>334.657.174.984</b>

Chi tiết biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm như sau:

	Tại ngày 31.12.2022 VND	Lợi nhuận trong năm VND	Khác VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối	334.243.463.628	120.902.938.895	1.195.823.100	456.342.225.623
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	413.711.356	-	(1.195.823.100)	(782.111.744)
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>334.657.174.984</b>	<b>120.902.938.895</b>	<b>-</b>	<b>455.560.113.879</b>

4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

4.1 Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	25.000.000	288.039.525
Trong đó:		
<i>Chứng khoán cơ sở</i>	25.000.000	288.039.525
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	-	(10.424.372)
Trong đó:		
<i>Chứng khoán cơ sở</i>	-	(10.424.372)
<b>Lãi ròng</b>	<b>25.000.000</b>	<b>277.615.153</b>

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM**

**Mẫu số B09 – CTCK**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**

**4.1 Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)**

Chi tiết lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn (*) VND	Lãi bán năm này VND	Lãi bán năm trước VND
Cổ phiếu	30.000	935.000.000	910.000.000	25.000.000	277.615.153

(\*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

**4.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023	31.12.2022
	VND	VND
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	40.000.000	58.857.521
Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(40.000.000)	(132.223.576)
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>(73.366.055)</b>

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM**

Mẫu số B09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**

**4.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)**

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2023 VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2022 VND	Chi nhận vào kết quả hoạt động trong năm VND
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	977.639.680	-	(977.639.680)	(977.639.680)	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**

**4.3 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay**

	<u>Năm tài chính kết thúc ngày</u>	
	<u>31.12.2023</u>	<u>31.12.2022</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	86.288.949.617	59.595.049.369
Chi phí hoán đổi ngoại tệ của các khoản vay	7.461.406.306	41.263.540.789
Chi phí thuế nhà thầu nước ngoài của lãi vay	4.267.420.294	2.597.983.806
Chi phí bảo lãnh của khoản vay	153.418.244	269.911.692
Hoàn nhập dự phòng của hợp đồng hợp tác đầu tư (Thuyết minh 3.4)	(415.862)	(76.712)
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>98.170.778.599</u></b>	<b><u>103.726.408.944</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**

**4.4 Chi phí hoạt động ngoài các chi phí liên quan đến tài sản tài chính**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
<b>Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán</b>	<b>174.779.155.832</b>	<b>210.110.041.726</b>
Chi phí nhân viên	112.510.495.270	139.505.909.405
Chi phí giao dịch chứng khoán	36.941.446.907	44.571.335.172
Chi phí thuê văn phòng	14.312.860.915	13.126.376.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.225.116.212	4.278.037.977
Chi phí sửa chữa và bảo trì	1.328.784.171	1.533.363.963
Chi phí khấu hao TSCĐ	794.118.517	1.110.396.706
Chi phí khác	5.666.333.840	5.984.621.572
<b>Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán</b>	<b>9.281.683.778</b>	<b>8.237.142.780</b>
Chi phí lưu ký	5.596.116.924	4.233.445.334
Chi phí nhân viên	3.615.970.477	3.816.279.997
Chi phí khác	69.596.377	187.417.449
<b>Chi phí hoạt động tư vấn tài chính</b>	<b>2.986.233.652</b>	<b>4.923.767.586</b>
Chi phí nhân viên	2.516.914.674	2.944.431.315
Chi phí thuê văn phòng	190.696.102	182.466.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	1.218.745.000
Chi phí khác	278.622.876	578.124.529
<b>Tổng cộng</b>	<b>187.047.073.262</b>	<b>223.270.952.092</b>

**4.5 Chi phí quản lý công ty chứng khoán**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	96.089.005.907	82.233.597.066
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.987.912.474	12.955.260.308
Chi phí sửa chữa và bảo trì	7.787.335.505	7.478.372.563
Chi phí thuê văn phòng	7.339.176.832	6.757.823.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.080.586.308	4.001.344.117
Chi phí khác	7.881.640.179	9.039.703.191
<b>Tổng cộng</b>	<b>136.165.657.205</b>	<b>122.466.100.795</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**

**4.6 Chi phí thuế TNDN**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% (2022: 20%) như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	153.698.087.250	160.074.272.208
Thuế tính ở thuế suất 20%:	30.739.617.450	32.014.854.442
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(8.003.060)	(381.734)
Chi phí không được khấu trừ	586.315.506	698.958.557
Dự phòng thiếu/(thừa) của năm trước	1.642.016.774	(118.525.317)
Khác	(164.798.315)	-
<b>Chi phí thuế TNDN (*)</b>	<b>32.795.148.355</b>	<b>32.594.905.948</b>
Thuế TNDN ghi nhận trong năm:		
Chi phí thuế TNDN - hiện hành	32.795.148.355	32.609.579.159
Chi phí thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 3.17)	-	(14.673.211)
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.795.148.355</b>	<b>32.594.905.948</b>

(\*) Chi phí thuế TNDN được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế. Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế TNDN cho đến hết năm 2022.

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**5.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm**

Số tiền đi vay thực thu trong năm là số tiền thu được từ các khoản vay theo hợp đồng tín dụng (Thuyết minh 3.11).

**5.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm là số tiền đã trả cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng (Thuyết minh 3.11).

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

6.1 Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1.1.2022	2.000.000.000.000	924.317.200	22.616.594.760	21.712.388.413	207.177.808.724	2.252.431.109.097
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	127.479.366.260	127.479.366.260
Tại ngày 31.12.2022	2.000.000.000.000	924.317.200	22.616.594.760	21.712.388.413	334.657.174.984	2.379.910.475.357
Tăng vốn điều lệ từ vốn thực góp của thành viên (*)	500.000.000.000	-	-	-	-	500.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	120.902.938.895	120.902.938.895
Tại ngày 31.12.2023	2.500.000.000.000	924.317.200	22.616.594.760	21.712.388.413	455.560.113.879	3.000.813.414.252

(\*) Hội đồng Thành viên đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ thêm 500.000.000.000 Đồng bằng vốn thực góp của thành viên theo Quyết định số 41-2022/QĐ-HĐTĐ-VSVN ngày 19 tháng 10 năm 2022.

Căn cứ theo Công văn số 178/UBCK-QLKD ngày 12 tháng 1 năm 2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ bằng vốn thực góp của thành viên góp vốn. Việc tăng vốn điều lệ đã hoàn tất vào ngày 18 tháng 1 năm 2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Yuanta Securities Asia Financial Services Private Limited do chiếm 94,10% vốn điều lệ của Công ty. Công ty mẹ cao nhất là Yuanta Financial Holdings, một công ty được thành lập tại Đài Loan.

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Yuanta Securities Asia Financial Services Private Limited	Công ty mẹ
Yuanta Securities (HongKong) Company Limited	Công ty cùng tập đoàn
Yuanta Securities Company Limited	Công ty cùng tập đoàn
Yuanta Securities (Thailand) Company Limited	Công ty cùng tập đoàn
Yuanta Futures (HongKong) Company Limited	Công ty cùng tập đoàn

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan bao gồm:

	<b>Năm tài chính kết thúc ngày</b>	
	<b>31.12.2023</b>	<b>31.12.2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Yuanta Securities (HongKong) Company Limited</b>		
Giá trị giao dịch môi giới mua chứng khoán	61.703.697.000	91.272.335.000
Giá trị giao dịch môi giới bán chứng khoán	84.169.249.350	115.608.613.720
Doanh thu tư vấn đầu tư	217.647.840	307.235.329
Doanh thu phí môi giới chứng khoán	175.047.536	248.257.140
Doanh thu thưởng dựa trên kết quả tư vấn	-	223.582.800
Doanh thu phí lưu ký chứng khoán	-	5.000.000
	<hr/>	<hr/>
<b>Yuanta Securities (Thailand) Company Limited</b>		
Giá trị giao dịch môi giới mua chứng khoán	1.271.704.000	3.445.194.000
Giá trị giao dịch môi giới bán chứng khoán	19.112.627.240	31.296.000
Doanh thu phí môi giới chứng khoán	30.576.516	5.214.743
Doanh thu phí lưu ký chứng khoán	2.674.661	3.114.590
	<hr/>	<hr/>
<b>Yuanta Securities Asia Financial Services Private Limited</b>		
Phí bảo lãnh	130.684.932	213.899.876
	<hr/>	<hr/>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
<b>Yuanta Future (HongKong) Company Limited</b>		
Doanh thu giao dịch phái sinh	939.231.700	769.110.000
Chi phí giao dịch phái sinh	532.577.700	435.645.000
<b>Yuanta Securities Company Limited</b>		
Doanh thu từ chia sẻ chi phí phát triển ứng dụng	381.758.158	-
Chi phí phát triển và bảo trì ứng dụng	333.698.130	1.030.421.610
Phí gia hạn hệ thống bên liên quan	-	1.041.903
<b>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	12.920.834.259	13.988.918.159

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
<b>Yuanta Securities Asia Financial Services Private Limited</b>		
Phải trả phí bảo lãnh	130.684.932	217.492.486
<b>Yuanta Securities (HongKong) Company Limited</b>		
Phải thu tư vấn đầu tư	15.987.870	-
<b>Yuanta Securities Company Limited</b>		
Phải trả phí bảo trì ứng dụng	85.774.055	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết như nhận diện rủi ro và đo lường rủi ro, chiến lược đầu tư và giới hạn đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính. Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Tổng Giám đốc.

**(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính và các khoản phải thu.

Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty bằng với giá trị ghi sổ tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng chưa trừ dự phòng đã lập và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác, chi tiết như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Tiền gửi ngân hàng (Thuyết minh 3.1)	653.076.061.644	1.153.935.140.644
Các khoản đầu tư HTM (Thuyết minh 3.2(b))	788.000.000.000	400.000.000.000
Các khoản cho vay (Thuyết minh 3.2(c))	3.055.596.049.072	2.232.569.027.494
Các khoản phải thu (Thuyết minh 3.3)	65.248.292.392	40.338.494.374
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn (Thuyết minh 3.8)	6.317.615.358	5.124.009.230
<b>Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng</b>	<b>4.568.238.018.466</b>	<b>3.831.966.671.742</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

*(i) Số dư với ngân hàng*

Số dư với ngân hàng bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và lãi dự thu.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Ban Tổng Giám đốc tín nhiệm hoặc là thành viên thanh toán và bù trừ của VSDC. Số dư với ngân hàng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các số dư với ngân hàng là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có số dư nào với ngân hàng bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có số dư tiền gửi với Ngân hàng nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có số dư tiền gửi với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty).

*(ii) Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh*

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ hỗ trợ thanh toán và Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có số dư nào với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

**(iii) Hợp đồng giao dịch ký quỹ**

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt và cập nhật thường xuyên bởi bộ phận quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm biến động giá và tính thanh khoản.

Bộ phận Dịch vụ Khách hàng có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 35% (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 10.694.555.294.469 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 7.480.244.052.165 Đồng (Thuyết minh 3.2(c))).

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một cá nhân hoặc một tổ chức là 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ tại ngày báo cáo như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Quá hạn và bị suy giảm giá trị	2.487.280.054	2.487.280.054
Chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị	3.053.108.769.018	2.230.081.747.440
Dự phòng đã lập	(2.487.280.054)	(2.487.280.054)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>3.053.108.769.018</b>	<b>2.230.081.747.440</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

*(iv) Các khoản phải thu*

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tin nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản phải thu tại ngày báo cáo như sau:

	Quá hạn và bị suy giảm VND	Chưa quá hạn và không bị suy giảm VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 31.12.2023</b>			
Trong hạn	-	59.804.644.347	59.804.644.347
Quá hạn trên 3 năm	5.443.648.045	-	5.443.648.045
	<u>5.443.648.045</u>	<u>59.804.644.347</u>	<u>65.248.292.392</u>
Dự phòng đã lập	(5.443.648.045)	-	(5.443.648.045)
<b>Giá trị thuần</b>	<u>-</u>	<u>59.804.644.347</u>	<u>59.804.644.347</u>
<b>Tại ngày 31.12.2022</b>			
Trong hạn	-	34.894.430.467	34.894.430.467
Quá hạn trên 3 năm	5.444.063.907	-	5.444.063.907
	<u>5.444.063.907</u>	<u>34.894.430.467</u>	<u>40.338.494.374</u>
Dự phòng đã lập	(5.444.063.907)	-	(5.444.063.907)
<b>Giá trị thuần</b>	<u>-</u>	<u>34.894.430.467</u>	<u>34.894.430.467</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**8 QUẢN LÝ RỦI RÓ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá cổ phiếu.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định, và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

• Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay của Công ty đều có thời hạn ngắn nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

• Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình tỷ giá và cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ, và sử dụng công cụ phòng ngừa rủi ro tiền tệ khi cần thiết.

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng Đô la Mỹ ("USD"). Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Công ty được trình bày như sau:

	Ngoại tệ gốc USD		Quy đổi sang VND	
	31.12.2023	31.12.2022	31.12.2023	31.12.2022
<b>Nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	53.000.000	51.000.000	1.286.254.000.000	1.215.134.000.000
<b>Vị thế phải trả thuần</b>	<b>(53.000.000)</b>	<b>(51.000.000)</b>	<b>(1.286.254.000.000)</b>	<b>(1.215.134.000.000)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

- Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có vị thế phải trả thuần bằng USD như đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, Công ty đã ký hợp đồng hoán đổi ngoại tệ với các ngân hàng trong nước nhằm chốt chi phí mua USD để thanh toán trong tương lai. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đánh giá không còn rủi ro tiền tệ.

- Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, lợi nhuận trước thuế của Công ty không thay đổi.

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn hoặc không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Các tài sản của Công ty được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay được trình bày tại Thuyết minh 3.11.

Bảng dưới đây phân tích các tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính theo thời hạn thanh toán. Thời hạn thanh toán được xác định dựa trên thời gian còn lại từ ngày báo cáo đến ngày thanh toán. Thời gian thanh toán của chứng khoán vốn và các công cụ trên thị trường tiền tệ được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng chuyển đổi thành tiền). Các số tiền được trình bày là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu và chưa trừ dự phòng đã lập.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Quá hạn		Trong hạn			Tổng cộng VND
	Trên 3 tháng VND	Đến 1 tháng VND	Từ trên 1 tháng đến 3 tháng VND	Từ trên 3 tháng đến 12 tháng VND	Từ trên 1 năm đến 5 năm VND	
Tài sản tài chính	-	653.076.061.644	-	-	-	653.076.061.644
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	3.053.108.769.018	-	-	-	3.055.596.049.072
Các khoản cho vay (*)	2.487.280.054	100.000.000.000	100.000.000.000	588.000.000.000	-	788.000.000.000
Tài sản tài chính HTM	-	37.304.167.635	6.049.315.068	16.451.161.644	-	65.248.292.392
Các khoản phải thu (Thuyết minh 3.3) (*)	5.443.648.045	-	-	461.406.736	5.856.208.622	6.317.615.358
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản tài chính</b>	<b>7.930.928.099</b>	<b>3.843.488.998.297</b>	<b>106.049.315.068</b>	<b>604.912.568.380</b>	<b>5.856.208.622</b>	<b>4.568.238.018.466</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>	<b>-</b>	<b>359.991.000.000</b>	<b>435.809.000.000</b>	<b>753.454.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.549.254.000.000</b>
Vay ngắn hạn	-	3.207.895.094	-	-	-	3.207.895.094
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	1.724.520.703	-	-	-	1.724.520.703
Phải trả người bán ngắn hạn	-	1.573.178.560	3.539.824.377	6.053.964.576	-	11.166.967.513
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	8.485.689	-	-	-	8.485.689
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	-	366.505.080.046	439.348.824.377	759.507.964.576	-	1.565.361.868.999
<b>Tổng nợ phải trả tài chính</b>	<b>-</b>	<b>366.505.080.046</b>	<b>439.348.824.377</b>	<b>759.507.964.576</b>	<b>-</b>	<b>1.565.361.868.999</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản tuần</b>	<b>7.930.928.099</b>	<b>3.476.983.918.251</b>	<b>(333.299.509.309)</b>	<b>(154.595.396.196)</b>	<b>5.856.208.622</b>	<b>3.002.876.149.467</b>

(\*) Số dư này không bao gồm dự phòng.

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM**

Mẫu số B09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(c) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

	Quá hạn		Trong hạn				Tổng cộng VND
	Trên 3 tháng VND	Đến 1 tháng VND	Từ trên 1 tháng đến 3 tháng VND	Từ trên 3 tháng đến 12 tháng VND	Từ trên 1 năm đến 5 năm VND		
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022							
Tài sản tài chính	-	903.935.140.644	250.000.000.000	-	-	1.153.935.140.644	
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	2.230.081.747.440	-	-	-	2.232.569.027.494	
Các khoản cho vay (*)	2.487.280.054	-	50.000.000.000	350.000.000.000	-	400.000.000.000	
Tài sản tài chính HTM	-	-	2.438.356.164	8.277.561.644	-	40.338.494.374	
Các khoản phải thu (Thuyết minh 3.3) (*)	5.444.063.907	24.178.512.659	-	268.441.278	4.855.567.952	5.124.009.230	
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	-	-	-	-	
<b>Tổng tài sản tài chính</b>	<b>7.931.343.961</b>	<b>3.158.195.400.743</b>	<b>302.438.356.164</b>	<b>358.546.002.922</b>	<b>4.855.567.952</b>	<b>3.831.966.671.742</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>							
Vay ngắn hạn	-	68.000.000.000	1.094.630.000.000	262.504.000.000	-	1.425.134.000.000	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	6.023.715.874	-	-	-	6.023.715.874	
Phải trả người bán ngắn hạn	-	167.805.000	-	-	-	167.805.000	
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	1.856.553.191	1.223.396.604	23.216.063.302	-	26.296.013.097	
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	-	28.435.047	-	-	-	28.435.047	
<b>Tổng nợ phải trả tài chính</b>	<b>-</b>	<b>76.076.509.112</b>	<b>1.095.853.396.604</b>	<b>285.720.063.302</b>	<b>-</b>	<b>1.457.649.969.018</b>	
<b>Mức chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>7.931.343.961</b>	<b>3.082.118.891.631</b>	<b>(793.415.040.440)</b>	<b>72.825.939.620</b>	<b>4.855.567.952</b>	<b>2.374.316.702.724</b>	

(\*) Số dư này không bao gồm dự phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(d) Quản trị nguồn vốn**

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Báo cáo này được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ Thông tư 91/2020/TT-BTC quy định cách tính chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo đó, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ vốn khả dụng đã được kiểm toán của Công ty là 1.155% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 877%).

**9 CÁC CAM KẾT**

**(a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Đối với các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Dưới 1 năm	21.508.479.147	19.445.982.011
Từ 1 đến 5 năm	59.521.473.171	59.444.247.136
<b>Tổng cộng</b>	<b>81.029.952.318</b>	<b>78.890.229.147</b>

**(b) Cam kết vốn**

Các cam kết về tạo lập tài sản đã ký hợp đồng tại ngày báo cáo nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

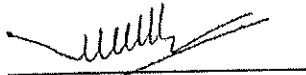
	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Phần mềm vi tính	279.750.000	446.934.000
Cải tạo văn phòng	124.222.290	-
	<b>403.972.290</b>	<b>446.934.000</b>

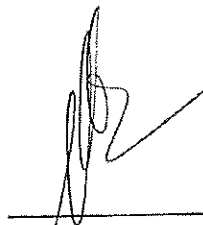
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

10 KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

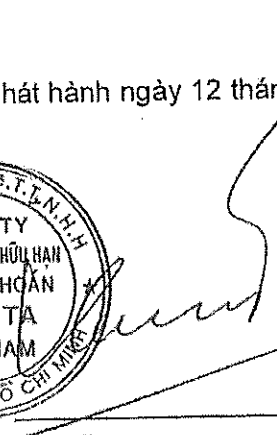
	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
a) Cửa Công ty Cổ phiếu	237.700	6.809.300.000
b) Cửa nhà đầu tư Cổ phiếu	6.345.130.819	118.691.426.326.840
Chứng chỉ quỹ	64.119.057	240.481.742.970
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.409.487.576</b>	<b>118.938.717.369.810</b>

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn để phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2024.

  
Đào Thị Ngọc Thùy  
Người lập

  
Bùi Đình Vinh  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc